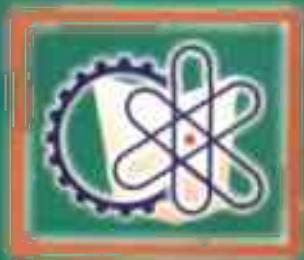


THÔNG TIN

Khoa học & Công nghệ

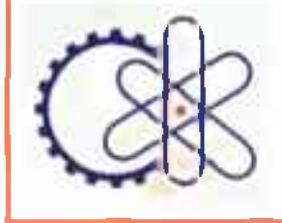


Số 1 - 2008 (59)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG - 35 TRẦN HƯNG ĐẠO - ĐÀ LẠT - ĐT: 063.821377



- Một số giải pháp để thu hút đầu tư tại Lâm Đồng
- Đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở tỉnh Lâm Đồng
- Đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng
- Hiệu quả chính sách đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng



Thông tin

Khoa học & công nghệ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Số 1.2008

TRONG SỐ NÀY

Tổng biên tập:

NGUYỄN MINH TÂM

Trình bày:

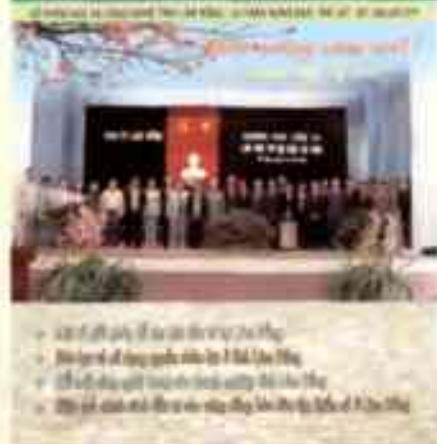
NGUYỄN HỮU THANH TUỆ

Ảnh bìa:

Thường trực Tỉnh ủy làm việc
với đại biểu trí thức
tỉnh Lâm Đồng

- 1 **Trương Trổ** - Chào năm mới 2008
- 3 **Nguyễn Mộng Sinh** - Liên hiệp hội Lâm Đồng với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- 6 **Ngô Mạnh Phụng** - Đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở tỉnh Lâm Đồng
- 8 **Nguyễn Hữu Nam** - Đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng
- 11 **Phương Nguyên** - Cần có biện pháp quản lý Blog trên mạng internet
- 13 **Trương Trổ** - Festival hoa Đà Lạt 2007 - vấn đề chọn tạo giống hoa và thị trường hoa cắt cảnh Đà Lạt
- 15 **Hà Huyền** - Một số giải pháp để thu hút đầu tư tại Lâm Đồng
- 16 Công nghệ cắn hán
- 17 **Nguyễn Minh Tâm** - Giải thưởng chất lượng Việt Nam, công cụ nâng cao chất lượng quản lý chiến lược của doanh nghiệp
- 20 **Phạm Bá Phong** - Bàn về vấn đề đào tạo nhân lực có kỹ năng lao động cao
- 21 **Lê Đức Thọ** - Áp dụng ISO 9000 trong dịch vụ hành chính công tại tỉnh Lâm Đồng
- 23 **Dương Khải Định** - Hội thi sáng tạo kỹ thuật năm 2007 - tôn vinh các giải pháp có khả năng áp dụng và mang lại hiệu quả
- 24 **Nguyễn Hữu Tranh** - ABC Đà Lạt
- 26 **Nguyễn Thọ Biên** - Những mẫu chuyên về năm Tý
- 28 **Hoàng Huy Liệu** - Bệnh tật huyết trùng ở trâu, bò và biện pháp phòng chống
- 29 **Trương Ngọc Lý** - Hiệu quả chính sách đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng
- 31 Danh mục các đề tài, dự án khoa học và công nghệ và các dự án hỗ trợ cơ quan, doanh nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng năm 2008

THÔNG TIN
**Khoa học &
Công nghệ**



THƯ CHÚC MỪNG NĂM MỚI

của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh Lâm Đồng

Nhân dịp đón Xuân Mậu Tý 2008, thay mặt Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mật trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng, tôi thân ái gửi đến đồng bào, đồng chí lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Thưa đồng bào, đồng chí!

Năm 2007, tuy gặp nhiều khó khăn về thiên tai, dịch bệnh, lạm phát, nhưng với sự quyết tâm và nỗ lực của Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân, chúng ta đã thực hiện đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội; đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện đáng kể, an ninh - quốc phòng tiếp tục ổn định.

Tuy nhiên, nền kinh tế của tỉnh vẫn chưa bền vững, chất lượng và hiệu quả còn thấp, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp còn chậm. Đây thật sự là những thách thức lớn đối với chúng ta.

Bước vào năm 2008, bên cạnh thời cơ và thách thức chung của cả nước, chúng ta còn có nhiều khó khăn to lớn, đó là: Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, nguồn lực đầu tư từ ngân sách còn hạn chế... Để phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những hạn chế, yếu kém nói trên, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn để thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị, hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm của năm 2008 là "tiếp tục cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tập trung phát triển kinh tế - xã hội".

Với truyền thống cẩn cù, vượt khó, với tinh thần đoàn kết, đổi mới, hy vọng rằng chúng ta sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2008.

Mừng năm mới, kính chúc đồng bào, cán bộ, chiến sỹ trong tỉnh và bà con Lĩnh nhà đang sống xa quê hương sức khỏe, hạnh phúc, thịnh vượng.

Chào thân ái và quyết thắng.

HUỲNH PHONG TRANH
Bí thư Tỉnh ủy

Chào năm mới 2008

 Thời tiết giao mùa, trời Đà Lạt khá lạnh. Năm 2007 sẽ ra đi như bao năm đã ra đi trong đời mỗi người. Đại Gia đình Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng vui mừng đón chào năm mới 2008 và Xuân Mậu Tý.

Chúng ta kết thúc năm 2007 với những kết quả phẫn khởi, hầu hết các chỉ tiêu nhiệm vụ hoàn thành, nổi bật là:

- Đã triển khai gần 40 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, hỗ trợ và chuyển giao công nghệ; hầu hết các đề tài, dự án đều xuất phát từ yêu cầu thực tế, mang tính mới, tính khoa học và đều có địa chỉ đặt hàng, tiếp nhận, ứng dụng.

- Triển khai 28 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp huyện cho tất cả các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh Lâm Đồng.

- Xây dựng được 20 điểm truy cập thông tin khoa học công nghệ phục vụ nông thôn tại các xã, phường, thị trấn và các huyện trong tỉnh với hàng chục ngàn thông tin kỹ thuật, công nghệ, giống cây trồng, vật nuôi, chế biến bảo quản nông sản,...

- Có hơn 20 website của các sở, ban, ngành và huyện được duy trì hoạt động có hiệu quả trên trang thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng, được nhiều người truy cập.

- Các thương hiệu rau Đà Lạt, chè Blao, dứa Cayenne Đơn Dương, cà phê Di Linh, chuối La Ba Đức Trọng đã được đầu tư nghiên cứu lập hồ sơ đăng ký bảo hộ và quảng bá.

- Có 50% số sở, ngành, huyện thị trong tỉnh áp dụng thành công và được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 9000:2001 trong công tác quản lý hành chính...

- Các hoạt động quản lý nhà nước khác như: tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ,... đạt kết quả tốt góp phần trong việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Triển khai nhiệm vụ KHCN năm mới có một điều mới, đáng phấn khởi là đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ - Huỳnh Phong Tranh và đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh - Huỳnh Đức Hoà đã chính thức "đặt hàng" các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nhiệm vụ đột phá, tăng tốc, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong buổi gặp gỡ với giới trí thức khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng vào ngày 11/01/2008 vừa qua. Ba nhóm các nội dung lớn cần nghiên cứu và giải quyết một cách khoa học là:

1. Cải cách hành chính, thu hút đầu tư hợp tác kinh tế trong vùng và đào tạo phát triển nguồn nhân lực đảm bảo phục vụ cho các dự án lớn, các dự án công nghệ mới, công nghệ cao, sản phẩm mới.

2. Vấn đề đô thị hóa nông thôn, cơ khí hóa nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, vấn đề xoá đói giảm nghèo, các vấn đề điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường, nâng cao chất lượng các sản phẩm chè, cà phê, rau, hoa và hoạt động du lịch.

3. Các vấn đề về xã hội và nhân văn, dân tộc, tôn giáo, vấn đề khiếu kiện của công dân,...

Cụ thể, về nhiệm vụ khoa học, công nghệ năm 2008, UBND tỉnh Lâm Đồng đã phê duyệt 30 đề tài/dự án nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ bám sát nhất với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương được lựa chọn từ hơn 120 đề xuất từ cơ sở.

Chúng ta hy vọng rằng các cán bộ khoa học của các cơ quan viện, trường và các đơn vị nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong và ngoài tỉnh sẽ tiếp tục gắn bó hơn với sự nghiệp KHCN tỉnh Lâm Đồng.

Kính chúc các nhà khoa học năm mới dài dài sức khoẻ, hạnh phúc, nghiên cứu thành công nhiều công trình khoa học có giá trị, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng năm 2008.

TRƯỞNG TRỞ

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng

LIÊN HIỆP HỘI LÂM ĐỒNG VỚI SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

NGUYỄN MỘNG SINH

Chủ tịch Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Lâm Đồng

Chúng ta đang xây dựng đất nước, phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện hội nhập quốc tế sau khi chính thức gia nhập WTO. Nếu như sự đổi mới về chính trị, về các hệ thống tư tưởng xã hội ngày càng có khuynh hướng giảm nhẹ đi thì sự đổi mới về sức mạnh của các nền kinh tế có dấu hiệu ngày càng quyết liệt hơn và mang tính sống còn. Trong cuộc đấu tranh này xuất hiện hình thức nô dịch và nô lệ mới khi nước nhỏ và yếu sẽ bị mất độc lập, tự chủ về kinh tế, sẽ bị chi phối lệ thuộc vào các cường quốc.

Có lẽ đây thực sự là nguy cơ, là thách thức lớn nhất đối với đất nước ta, dân tộc ta. Nguy cơ này có thể loại bỏ, thách thức này có thể vượt qua nếu chúng ta thực hiện khẩn trương, nhanh chóng và hoàn thành tốt đẹp công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây chính là nhiệm vụ chính trị lớn lao nhất, là sự nghiệp trọng đại nhất của dân tộc ta trong thời đại ngày nay.

Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước từ một nền kinh tế trong đó nông nghiệp chiếm tỷ trọng chủ yếu lại chưa hoàn toàn thoát ra khỏi tình trạng lạc hậu, dân chưa thực sự thoát nghèo thì không thể không coi khoa học công nghệ là động lực, là then chốt.

Là một tỉnh miền núi, mặc dù có nhiều tiềm năng và lợi thế so sánh, tuy nhiên so với nhiều địa phương khác trong cả nước, Lâm Đồng có điểm xuất phát còn khá thấp về kinh tế - xã hội. Nhiều năm qua do sự cố gắng nỗ lực của toàn dân, Lâm Đồng đã có những chuyển biến tích cực trong phát triển và đạt được những thành

tựu to lớn. Mặc dầu vậy, theo nhận định của Chính phủ thì đối với Tây Nguyên nói chung và Lâm Đồng nói riêng: “*Kiệc phát triển kinh tế còn tự phát, chưa theo quy hoạch, kế hoạch và nhiều mặt thiếu ổn định, thiếu vững chắc. Chậm áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ mới vào sản xuất nên năng suất, chất lượng và hiệu quả còn thấp... Cơ cấu kinh tế chuyên dịch còn chậm, tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong GDP còn thấp (52% trong GDP). Chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch chưa cao, chưa gắn kết tốt giữa phát triển sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến và thị trường, thiếu bền vững, ảnh hưởng môi trường sinh thái... Thu ngân sách còn thấp, mới đáp ứng được 32% dự toán chi của địa phương... Các hình thức quan hệ sản xuất trong nông, lâm nghiệp chưa theo kịp yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa lớn, cần phải được tổ chức sắp xếp lại. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đặc biệt là thuỷ lợi...*” [1].

Trước tình hình đó, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2006-2010) đã khẳng định quyết tâm “*tạo bước đột phá, tăng tốc phát triển kinh tế đưa Lâm Đồng thoát khỏi tình trạng chậm phát triển*”. Nghị quyết của Đại hội nhấn mạnh quyết tâm đổi mới tư duy kinh tế, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, trong đó ưu tiên đổi mới chính sách thu hút đầu tư từ bên ngoài, phát huy mạnh mẽ các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, chuyên dịch nhanh cơ cấu của nền kinh tế từ nông nghiệp là chủ yếu sang cơ cấu nền kinh tế công nghiệp và du lịch - dịch vụ là chủ yếu. Trong tập hợp các

nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế cũng nói rõ “lay công nghiệp hoá, hiện đại hoá làm nhiệm vụ trung tâm của sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trọng tâm là đầu tư thâm canh các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung có năng suất, chất lượng cao gan với công nghiệp chế biến và sản xuất hàng xuất khẩu. Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, trong đó đầu tư vào một số sản phẩm có tính vượt trội về giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích như rau, hoa, chè, dâu tây... Phát triển mạnh dịch vụ nông nghiệp, ngành nghề tiêu thụ công nghiệp và tổ chức tốt việc chuyển giao công nghệ, tiêu thụ hàng hóa cho nông dân...” [2,3]

Như vậy, những nét chủ yếu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá Lâm Đồng cho những năm trước mắt đã được phác thảo, vấn đề còn lại là sẽ phải tổ chức thực hiện và triển khai như thế nào?

Ở đây chúng ta quay trở lại với vấn đề muôn thuở cốt lõi nhất và quan trọng nhất: vấn đề nguồn nhân lực, con người và đội ngũ.

Số liệu thống kê [4] cho thấy tinh nhà có khoảng 15.000 người có trình độ học vấn từ cao học trở lên (chiếm 1,3% dân số), trong đó thạc sĩ chiếm gần 1% và tiến sĩ khoảng 0,2%. Số cán bộ được đào tạo trong lĩnh vực khoa học xã hội chiếm tỷ lệ cao: gần 58%, còn các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ chỉ chiếm gần 7,5%. Theo đơn vị hành chính ở Đà Lạt tập trung trên 45%, ở Bảo Lộc khoảng 15%, ở 9 huyện còn lại (chiếm 93,6% diện tích và khoảng 70% dân số) khoảng 40%.

Trí thức Lâm Đồng có mặt trong hầu hết các lĩnh vực khoa học công nghệ, kinh tế - xã hội, giáo dục - đào tạo, quản lý nhà nước và kinh doanh - dịch vụ, có những đóng góp đáng kể cho sự phát triển của địa phương trong những năm qua.

Tuy nhiên theo nhận định đánh giá của PGS. TS Phạm Bá Phong, nguyên Chủ tịch Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Lâm Đồng thì “năng lực đội ngũ trí thức địa phương

chưa ngang tầm với đòi hỏi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Hầu hết các lĩnh vực đều thiếu cán bộ đầu đàn, thiếu những người có năng lực tổ chức, thực hiện các đề tài nghiên cứu, dự án phát triển có tính đột phá phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Một số trí thức bị h่าง hụt về kiến thức và năng lực thực tiễn, thiếu kiến thức sâu ở nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ hiện đại. Trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) không đủ khả năng giao dịch, đối thoại trong quá trình hội nhập với khu vực và thế giới... Có một bộ phận coi nhẹ rèn luyện phẩm chất, thiếu trách nhiệm, hợp tác chân thành, hàn huyên đã bị lây nhiễm lối sống thực dụng, vụ lợi, chạy theo lợi ích trước mắt không tập trung trí lực vào sự nghiệp lớn”. [4]

Rõ ràng là muôn có vai trò chủ chốt trong cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay, thực hiện được nhiệm vụ chính trị của mình là làm động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá Lâm Đồng, đội ngũ trí thức khoa học công nghệ địa phương cần có những cố gắng nỗ lực vượt bậc, biết tự hoàn thiện mình, thể hiện trách nhiệm và tài năng sáng tạo cao hơn nữa.

Là tổ chức chính trị - xã hội của đội ngũ trí thức khoa học công nghệ Lâm Đồng và được thành lập từ cuối năm 1994 cho đến nay Liên



hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng đã tập hợp trong tổ chức của mình 16 hội khoa học kỹ thuật chuyên ngành và 11 tổ chức hội viên với tổng số trên 6.000 người. Vai trò của Liên hiệp Hội là điều hoà, phối hợp các hội - các tổ chức thành viên để cùng nhau thực hiện nhiệm vụ chính trị của đội ngũ trí thức khoa học công nghệ ở địa phương.

Liên hiệp Hội Lâm Đồng có nhiệm vụ tổ chức các hoạt động nhằm góp phần xã hội hoá hoạt động khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo. Cụ thể là:

1. Thực hiện chức năng tư vấn phản biện và giám định xã hội góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho các chủ trương nghị quyết của Đảng, chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, áp dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường.

3. Tham gia việc giáo dục đào tạo, dạy nghề; tuyên truyền phổ biến khoa học kỹ thuật cho quặng đại quần chúng tiếp thu áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng xã hội học tập, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài.

Nói một cách hình tượng, Liên hiệp Hội phải làm được nhiệm vụ là chiếc cầu nối giữa tri thức khoa học công nghệ với thực tiễn lao động sản xuất, hoạt động kinh tế xã hội của địa phương. Liên hiệp Hội phải là chất xúc tác hiệu lực để chuyên hoá tiềm năng, nguồn lực chất xám của đội ngũ trí thức thành nguyên liệu, sản phẩm hàng hoá đáp ứng nhu cầu cung cấp, sử dụng, tiêu thụ cho thị trường.

Làm thế nào để Liên hiệp Hội Lâm Đồng có thể thực hiện tốt nhất vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mình?

Theo suy nghĩ chủ quan, những khía cạnh sau đây cần được quan tâm:

1. Liên hiệp Hội phải là một tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp đủ mạnh. Mạnh về tổ chức, mạnh về nội lực, mạnh về sự liên kết gắn

bó giữa các thành viên, mạnh về ý chí quyết tâm và mạnh về thực lực.

2. Liên hiệp Hội phải tìm được con đường đi, cách thức hoạt động của riêng mình, phải đoạn tuyệt với kiểu hành chính hoá, tập trung, quan liêu. Toàn bộ hoạt động của Liên hiệp Hội phải hướng về cơ sở, bám sát nhu cầu thực tế, phối hợp để tận dụng, phát huy tối đa năng lực, sở trường, sở đoản của các hội thành viên. Ở đây năng lực tổ chức triển khai của bộ máy là cực kỳ quan trọng.

3. Liên hiệp Hội Lâm Đồng phải nâng cao kỹ năng giao lưu, giao tiếp của mình, mở rộng và hoạt hoá các mối quan hệ với các tổ chức của hệ thống Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, với các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội và các tổ chức nghề nghiệp khác, tạo dựng các khuôn khổ phối hợp hình thành và thực hiện các chương trình hợp tác, hành động cụ thể, thiết thực, tiếp cận được với hợp tác quốc tế.

Đại hội Đại biểu lần thứ III nhiệm kỳ 2007-2012 đã đưa ra nhiều nhiệm vụ và giải pháp cho hoạt động của Liên hiệp Hội trong thời gian tới. Có thể hy vọng Liên hiệp Hội sẽ vượt qua những khó khăn trở ngại trong bước đường phát triển đi lên của mình, có những kết quả khả quan trong hoạt động và có đóng góp thiết thực, xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh nhà. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tân Dũng, "Phát triển nhanh và bền vững vùng Tây Nguyên". Tây Nguyên trên đường phát triển bền vững. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 12-17.
2. Nguyễn Văn Đắng, "Lâm Đồng đẩy nhanh tốc độ phát triển". Sách đã dẫn, tr 231-232.
3. Huỳnh Đức Hoà, "Lâm Đồng phát huy nội lực, thu hút đầu tư, tăng tốc phát triển". Sách đã dẫn, tr 233-236.
4. Phạm Bá Phong, "Phát huy vai trò của tri thức khoa học công nghệ vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước". Đặc san chào mừng Đại hội Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng lần thứ III, tr 1-3. Đà Lạt, tháng 6/2007.

ĐÀO TẠO VÀ SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

THS. NGÔ MẠNH PHỤNG
Trường Đại học Yersin Đà Lạt

Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong tình hình kinh tế - xã hội hiện nay, muôn "thắng ai" trên thị trường thì vai trò của những người trực tiếp làm ra sản phẩm cho xã hội là một yếu tố rất quan trọng. Việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực đúng hướng, đúng mục đích, đúng ngành nghề vừa mang ý nghĩa nhân đạo, vừa mang ý nghĩa kinh tế - xã hội. Chính vì vậy mà các cấp lãnh đạo, các tổ chức xã hội, các nhà khoa học, các nhà sản xuất kinh doanh ở các tỉnh, thành phố trọng điểm đã và đang hết sức quan tâm đến vấn đề này, nhằm tạo tiền đề cho bước phát triển vững mạnh, ổn định về kinh tế - xã hội của địa phương mình về hiện tại cũng như trong tương lai.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đã xác định: "Mục tiêu giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, xây dựng nhân cách, hình thành đội ngũ lao động có tri thức và tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ, năng động, sáng tạo, có đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội".

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ VIII xác định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm về lĩnh vực giáo dục và đào tạo: "Tiếp tục đàm minh xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa các loại hình trường lớp và các hình thức học tập; phát triển quy mô giáo dục đào tạo một cách vững chắc ở tất cả các ngành học, bậc học nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của toàn xã hội. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, day

nghề nhằm thực hiện có hiệu quả hơn nữa yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

"Khuyến khích mở các trường lớp dân lập, tư thục, phát triển các trường dạy nghề..."

Thực hiện chủ trương trên, những năm vừa qua việc đào tạo sử dụng nguồn nhân lực đã và đang được chú ý. Các trường dạy nghề, trường trung cấp kỹ thuật, các trung tâm dạy nghề - hướng nghiệp, các nhà máy xí nghiệp tự bồi dưỡng tay nghề cho người lao động... đã cơ bản đáp ứng được nguồn nhân lực cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện tại của từng địa phương. Các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Đà Nẵng, Biên Hòa, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh đã thu hút được một lượng lao động có tay nghề đáng kể từ các cơ sở đào tạo này. Tuy nhiên còn nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác đang cần sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo tay nghề và kỹ thuật ở trình độ công nhân kỹ thuật, nghiệp vụ sơ cấp mà thị trường lao động chưa thể cung cấp đủ. Tình trạng thừa thãi, thiếu thốn vẫn đang diễn



ra ở nhiều nơi trên đất nước ta, trong đó có tỉnh Lâm Đồng.

Trong cơ cấu kinh tế của tỉnh Lâm Đồng, tỷ trọng sản phẩm nông - lâm - nghiệp còn chiếm rất cao, tới 52%; sản phẩm ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 19%, sản phẩm ngành dịch vụ chiếm 29%. Nguồn nhân lực khá lớn được sử dụng trong lao động hiện nay của Lâm Đồng phần lớn là chưa qua đào tạo. Điều đó được chứng minh qua hệ thống hướng nghiệp dạy nghề của địa phương hiện có ở các huyện Đức Trọng, Đơn Dương, Lạc Dương, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lộc, Đạ Tèh. Tại những địa phương này đều có một trung tâm kỹ thuật hướng nghiệp tổng hợp, nhưng còn nhỏ bé, khiêm tốn về nhiều mặt, nhất là việc trang bị các kỹ thuật hiện đại... Ở cấp tỉnh: có 2 trường kinh tế kỹ thuật (Đà Lạt); trường công nhân lái xe; trường trung học y tế và trường trung học kinh tế kỹ thuật; dạy nghề Bảo Lộc; trung tâm đào tạo bồi dưỡng tại chức tinh. Với hệ thống hướng nghiệp dạy nghề như trên tuy đã có nhiều cố gắng nhưng chưa thể đáp ứng được nhu cầu đào tạo về nghề và kỹ thuật cho số đông lao động trong tỉnh; đồng thời chưa thể đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của các cơ sở, doanh nghiệp cần có một nguồn nhân lực đã qua đào tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ngay tại địa phương. Đặc biệt việc đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực cho các vùng kinh tế, vùng đồng bào dân tộc xa đô thị lớn hiện nay còn gặp rất nhiều khó khăn.

Nghiên cứu về định hướng phát triển TP Đà Lạt, chúng ta thấy có nhiều ngành nghề thu hút nguồn nhân lực khá lớn, đó là phát triển ngành du lịch nghỉ dưỡng (ngành công nghiệp không khói); nghề trồng rau, hoa, quả đặc sản; nghề tiêu thủ công nghiệp và một số ngành nghề khác.

Trong thời gian vừa qua, các ngành kinh tế của Lâm Đồng nói chung, của TP Đà Lạt nói riêng đã thu hút nguồn nhân lực khá lớn trong tỉnh và còn thu hút nhân lực ngoại tỉnh tới làm việc, điều đó có ý nghĩa xã hội tích cực tạo việc làm và thu nhập cho người lao động,

giảm bớt tệ nạn xã hội. Tuy nhiên năng suất và chất lượng sản phẩm không cao.

Đối với các ngành công nghiệp - xây dựng, nông - lâm nghiệp - dịch vụ số lao động chưa qua đào tạo nghề cũng chiếm phần không nhỏ; đó là một khoảng trống lớn mà việc đào tạo nguồn nhân lực phải đáp ứng để qua đó nâng cao năng suất và chất lượng lao động của tỉnh.

Để đáp ứng nhu cầu lao động có tay nghề cần mở thêm các trung tâm đào tạo nghề, bồi dưỡng ngắn hạn, mở các lớp tập huấn nghề, tổ chức các hội thi “Luyện tay nghề, thi thợ giỏi”. Mời các nhà quản lý, nhà giáo, các nhà sản xuất kinh doanh... tham gia vào quá trình đào tạo cũng như sử dụng lao động sau đào tạo.

Người lao động có tay nghề giỏi luôn là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy nền kinh tế. Người lao động biết sử dụng và sử dụng thành thạo công cụ, thiết bị, nắm vững công nghệ sản xuất, chắc chắn sẽ đem lại năng suất và hiệu quả kinh tế cao. Chính vì vậy nền kinh tế đang trông mong vào một hoạch định chiến lược đó là: “Nguồn nhân lực – nhân tài” mà những người có tâm huyết đang quan tâm. Phát triển nguồn nhân lực – nhân tài rõ ràng là điều không thể thiếu được đối với chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lâm Đồng. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2006 - 2010.

UBND tỉnh Lâm Đồng, *Địa chí Lâm Đồng*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2001.

UBND TP Đà Lạt, *Đà Lạt thành phố cao nguyên*, NXB TP Hồ Chí Minh, TP HCM, 1993.

Trương Phúc Ân, *Bí mật thành phố hoa Đà Lạt*, NXB văn nghệ TP Hồ Chí Minh, TP HCM, 2000.

Bộ GD & ĐT, *Giáo dục đại học Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004.

Ban TT-VH TW, *Tài liệu tham khảo*, Trung tâm TT công tác tư tưởng, Hà Nội, Số 1/2006.

Hội khoa học phát triển nguồn nhân lực và nhân tài Việt Nam, *Thông tin nội bộ*, Hà Nội, 5/2006.

DỔI MỚI CÔNG NGHỆ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG

NGUYỄN HỮU NAM
Sở KHCN Lâm Đồng

Dổi mới công nghệ là sự chủ động thay thế một phần đáng kể (cốt lõi, cơ bản) hay toàn bộ công nghệ đang sử dụng bằng một công nghệ khác. Ngày nay, cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội, sự tiến bộ của tri thức, khoa học kỹ thuật thì nhu cầu của con người về sản phẩm ngày càng cao và càng đa dạng cùng với yêu cầu cao trong việc tiết kiệm chi phí. Do vậy, công nghệ luôn phải được thay đổi và cải tiến không ngừng để thỏa mãn nhu cầu đó, nên việc thay đổi công nghệ là một xu thế tất yếu của hệ thống công nghệ toàn cầu. Chính vì vậy, quan tâm đến đổi mới công nghệ sẽ mang lại những lợi ích to lớn đối với sự phát triển của doanh nghiệp. Những lợi ích đó là:

- Cải thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Mở rộng, cung cấp và duy trì thị phần của sản phẩm;
- Mở rộng phân cấp của sản phẩm, tạo thêm chủng loại sản phẩm mới;
- Sản phẩm đáp ứng được các quy định, tiêu chuẩn, luật lệ;
- Giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng;
- Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao độ

an toàn sản xuất cho người và thiết bị;

- Giảm những tác động xấu đến môi trường.

Vì những lý do trên có thể khẳng định đổi mới công nghệ là một tắt yếu phù hợp với quy luật phát triển.

Hiện trạng đổi mới công nghệ ở Lâm Đồng

Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, qua khảo sát một số ngành trọng điểm của tỉnh như: vật liệu xây dựng, cơ khí, công nghệ sinh học, chế biến thực phẩm thì vẫn đề đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp trong các lĩnh vực trên còn nhiều hạn chế. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ sinh học và chế biến thực phẩm được đầu tư công nghệ, thiết bị tương đối hiện đại (Công ty Đà Lạt Hasfarm, Bonifarm, Apolo, công ty Lâm Thăng...) chiếm khoảng hơn 40% tổng số các doanh nghiệp khảo sát, nhưng lại là các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài, doanh nghiệp còng lại là các cơ sở sản xuất nhỏ nên việc đầu tư các công nghệ, thiết bị mới là rất khó khăn.

Lĩnh vực vật liệu xây dựng: có khoảng 50 doanh nghiệp hoạt động, khả năng tự động hóa của các dây chuyền công nghệ có sự chênh lệch khá lớn. Bên cạnh những dây chuyền công nghệ sản xuất tự động, có công suất lớn vẫn còn tồn tại nhiều dây chuyền công nghệ thủ công, lạc hậu, công suất thấp, gây ô nhiễm môi trường (Công ty sản xuất gạch ngói 1-5 có tỷ lệ máy móc cũ lên đến 80%; Công ty TNHH Vạn Đức tự động hóa 80%; Công ty TNHH Duy Tân có hệ thống dây chuyền công nghệ sản xuất cao lanh tinh lọc tự động hóa 100%...).

Lĩnh vực cơ khí: số lượng các doanh nghiệp



cơ khí vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh chỉ gần 20 doanh nghiệp. Trong năm 2005, một số doanh nghiệp ngành cơ khí đã được đầu tư một số dây chuyên công nghệ mới, hoặc một số máy móc mới cho dây chuyền công nghệ cũ nhưng vẫn đảm bảo phục vụ tốt cho quá trình sản xuất. Còn lại, hầu hết máy móc thiết bị đều cũ và lạc hậu, thời gian sử dụng từ 10 đến 20 năm và có cả máy móc đã sử dụng trên 30 năm do nhiều nước sản xuất và đã được tu sửa nhiều lần, vì vậy độ chính xác và năng suất lao động thấp. Trung bình công suất sử dụng của dây chuyền công nghệ chỉ đạt < 60% so với thiết kế ban đầu.

Nếu chia đổi mới công nghệ thành 2 loại: Loại đổi mới công nghệ mang tính thụ động và đổi mới công nghệ chủ động (có nghiên cứu, cải tiến, phát triển công nghệ nhập từ bên ngoài và tự tham gia vào chuyền giao công nghệ cho các doanh nghiệp khác...) thì cơ bản các doanh nghiệp ở tỉnh ta thuộc loại đổi mới công nghệ thụ động. Nhìn chung, đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp trong tỉnh thường chỉ là mua máy móc thiết bị mới về và cử người đi học để nắm những thao tác cần thiết cho vận hành các máy móc thiết bị đó, chưa có những nghiên cứu, cải tiến, phát triển công nghệ... vì vậy, khi gặp những khó khăn, vướng mắc thì rất khó giải quyết.

Nguyên nhân

Những hạn chế trong đổi mới công nghệ là lý do cơ bản để giải thích cho sản phẩm chất lượng chưa cao, không đáp ứng nhu cầu thị trường, khả năng xuất khẩu thấp và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp không cao. Những doanh nghiệp có sản phẩm chất lượng cao, xuất khẩu và được tiêu thụ ở những thị trường khó tính hầu hết là được đầu tư một phần hoặc 100% vốn nước ngoài (chủ yếu thuộc ngành công nghệ sinh học), những doanh nghiệp khác vì những khó khăn khác nhau nên việc tìm được một thị trường tiêu thụ ổn định trong nước là một bài toán khó và đang chờ giải quyết.

Nhìn sâu hơn nữa thì đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp đang gặp phải những khó khăn chủ yếu:

- Nhận thức về cơ hội và khó khăn khi hội nhập của doanh nghiệp còn chưa rõ ràng.

- Hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ trong các doanh nghiệp còn kém phát triển.

- Trình độ đội ngũ lao động của doanh nghiệp còn thấp. Theo khảo sát các doanh nghiệp trong tỉnh thì tỷ lệ cán bộ, công nhân có trình độ đại học, cao đẳng trong ngành vật liệu xây dựng chiếm khoảng 6,2%, công nhân có tay nghề bậc cao (5/7) chiếm 16,8%; trong ngành cơ khí thì công nhân có tay nghề bậc cao chiếm 16,12%; ngành công nghệ sinh học - cán bộ có trình độ đại học chiếm 21%, số cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn chiếm 0,72% và công nhân có tay nghề bậc 5/7 trở lên chiếm 0,05%; ngành chế biến chè khoảng 23%. Theo số liệu đó thì với một công nghệ, thiết bị mới thì có thể vận hành được nhưng để khai thác triệt để, nâng cao hiệu quả của công nghệ thì còn hạn chế. Ngoài ra, sự am hiểu của đội ngũ lãnh đạo về công nghệ còn bâng cách sẽ làm doanh nghiệp ngại tiến hành đổi mới công nghệ, nếu tiến hành đổi mới thì lại sợ nhầm công nghệ.

- Thiếu vốn cho hoạt động đổi mới công nghệ.

- Thiếu thông tin về công nghệ, thiếu những chuyên gia thực thụ về đánh giá, tư vấn, môi giới và chuyền giao công nghệ. Rất nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh không kết nối internet, vì vậy sẽ có những hạn chế lớn về việc cập nhật thông tin liên quan đến công nghệ, thiết bị mới.

- Sự hỗ trợ, hợp tác của các viện nghiên cứu, trường đại học cho các doanh nghiệp chưa thường xuyên và thiếu tinh hiệu quả.

- Hoạt động quản lý công nghệ tại địa phương chưa được đầy mạnh do nhiều nguyên nhân như: Văn bản hướng dẫn của Bộ KH&CN về quản lý công nghệ còn thiếu, chưa rõ ràng nên khó thực hiện; không có cơ chế để nắm tình hình của các doanh nghiệp; việc phối hợp thẩm định về công nghệ giữa Sở Kế hoạch Đầu tư và Sở Khoa học Công nghệ còn chưa thật chặt chẽ và hài hòa.

Biện pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ

Đổi mới công nghệ có ý nghĩa quyết định đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế, bởi vậy những lực cản đối với đổi mới công nghệ cần được sớm quan tâm giải quyết. Dưới đây xin nêu một số biện pháp góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp ở tỉnh ta:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu triển khai, nghiên cứu ứng dụng để tiếp nhận, làm chủ công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ cao sử dụng trong sản xuất như công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa nhằm hiện đại hóa một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm quan trọng, góp phần từng bước đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách về hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tiến tới hình thành quỹ hỗ trợ đổi mới công nghệ tại địa phương. Hiện nay, có một số chính sách nhằm hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp như Nghị định 119/1999/NĐ-CP. Năm 2007, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng chương trình hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đổi mới công nghệ theo tinh thần của Nghị định 119 và các thông tư hướng dẫn.

- Tăng nguồn chi ngân sách sự nghiệp khoa học cho việc hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng những nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, đồng thời áp dụng những tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng, sản phẩm vừa có chất lượng vừa có thương hiệu để tăng cường khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

- Lập quỹ phát triển khoa học công nghệ và xây dựng những chính sách hỗ trợ cho các đơn vị, doanh nghiệp áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.

- Đẩy mạnh, phát triển các chương trình liên kết Nhà nước – viện, trường – doanh nghiệp nhằm phục vụ cho đổi mới công nghệ.

- Tuyên truyền, khuyến khích hoạt động chuyên giao công nghệ trong nước. Hiện nay,

hầu như các công nghệ trong nước đã đạt tiêu chuẩn Việt Nam, một số đạt tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó việc chuyên giao công nghệ trong nước sẽ thuận tiện hơn. Trong quá trình hoạt động nếu gặp những sự cố về kỹ thuật thì các chuyên gia bên chuyên giao công nghệ sẽ đến hướng dẫn giải quyết ngay, thiết bị phụ tùng lại sẵn có để thay thế.

- Xây dựng vai trò chủ động của doanh nghiệp trong đổi mới công nghệ: Tăng cường thông tin về chuyên giao công nghệ nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình hội nhập quốc tế. Hiện Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Website về công nghệ, tại đó cung cấp những thông tin về công nghệ, thiết bị hiện có trong nước và những thông tin khác liên quan đến công nghệ.

- Đẩy mạnh phong trào quần chúng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học công nghệ, phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong các đơn vị, doanh nghiệp.

- Xây dựng các chính sách phát triển khoa học và công nghệ trong từng giai đoạn; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, nguồn nhân lực kỹ thuật cao cho các ngành trọng điểm của tỉnh. Đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao và trẻ hoá đội ngũ cán bộ quản lý và nghiên cứu khoa học công nghệ có hiểu biết về chuyên môn, ngoại ngữ, có khả năng tiếp cận với khoa học hiện đại, công nghệ cao.

Để có thể đổi mới công nghệ, bản thân doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phải được đặt trong vấn đề phát triển thị trường công nghệ, trong đó các doanh nghiệp là chủ thể hoạt động trên thị trường này. Hy vọng, trong thời gian tới, với sự hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học công nghệ thì việc đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp sẽ có hiệu quả ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tài liệu tập huấn *Đổi mới công nghệ và quản lý đổi mới công nghệ*. Trường Nghiệp vụ quản lý khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Báo cáo đánh giá trình độ công nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2005. Phòng Quản lý công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng.

CẦN CÓ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ BLOG TRÊN MẠNG INTERNET

PHƯƠNG NGUYỄN

Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Lâm Đồng

Cũng như Internet, Blog là kết quả của sự tiến bộ trong khoa học công nghệ thông tin. Dù chỉ mới xuất hiện 10 năm nhưng tốc độ phát triển rất nhanh, hiện đang là một trào lưu thu hút đông đảo người truy cập Internet. Hiện nay Blog là một vấn đề nhạy cảm có ảnh hưởng lớn về mặt truyền thông và chưa được pháp luật quản lý.

Có thể coi Blog là nhật ký điện tử trên mạng Internet hay nói đúng hơn là những ghi chép trên mạng mang tính cá nhân và có nhu cầu để mọi người cùng đọc, trao đổi nhận thức, cảm nghĩ của bản thân và có sức lan tỏa rộng trong cộng đồng cư dân mạng. Cũng có một số người quan niệm rằng Blog là *trang tin cá nhân* và được coi như *loại hình báo chí công dân*. Việc định nghĩa đúng về Blog sẽ đưa ra được những phương thức quản lý phù hợp.

Phải thừa nhận rằng sự ra đời của Blog mang lại những tiện ích cá nhân, làm phong phú thêm đời sống tinh thần của con người. Blog là sân chơi, là ngôi nhà riêng do các bloger làm chủ. Tuy là thế giới ảo song Blog có những ảnh hưởng nhất định đến xã hội, đến cuộc đời thực của cộng đồng. Thế giới có khoảng 116 triệu trang blog, một số lượng không nhỏ! Ở Việt Nam tuy chưa có số liệu thống kê đầy đủ nhưng số lượng người sử dụng Blog hiện rất đông và đang ngày càng được nhân rộng.

Trên thực tế, việc quản lý Blog còn nhiều bất cập. Lý do chính là chúng ta còn thiếu hụt văn hóa của người sử dụng trong thời điểm khoa học công nghệ phát triển quá nhanh. Trong thời gian qua đã xuất hiện những trang Blog có nội dung xấu (Blog đen) tuy không lớn nhưng lại thu hút nhiều đối tượng truy cập nhất là lứa tuổi teen với sự tò mò chết người gây tác hại to lớn cho xã hội. Việc phát tán video clip của Hoàng

Thùy Linh - Vũ Hoàng Việt trên Internet vừa qua là một minh chứng cụ thể, đây là lời cảnh báo về quan hệ tình dục sớm và an toàn giới tính. Ngoài ra cuộc sống của ta ngày càng mất an toàn bởi ngày nay thiết bị công nghệ hiện đại và sự lan truyền mạnh mẽ của internet, con người dễ bị xoi mói vào đời tư. Hiện nay tình dục vẫn là cấm kỵ với giới trẻ nên họ tìm không gian ảo như blog để thỏa mãn. Sau vụ 4 sinh viên bị khôi rõ về lăng trai, phát tán đoạn phim sex ghi cảnh phòng the của hai diễn viên nói trên thì vụ ca sĩ Phương Thanh kiện bloger cogaidolong đã lợi dụng blog để xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cô đã được nhiều người quan tâm (Tòa án nhân dân quận Tân Bình thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án này). Một vụ kiện khác cũng đã khiến báo giới tốn không ít giấy mục đó là vụ người mẫu Xuân Lan kiện một tờ báo đã cho đăng tài chuyện đời tư, mà cô tâm sự trên blog cá nhân, với những thông tin sai lệch so với nguyên bản, làm ảnh hưởng đến hình ảnh của cô trước công chúng.

Sau nhiều vụ việc đáng tiếc xảy ra, hàng loạt vấn đề về cơ sở pháp luật, công tác quản lý mạng đã được các nhà quản lý cũng như các chuyên gia tâm lý, các nhà làm luật quan tâm. Vậy làm thế nào để có thể quản lý được Blog trên mạng Internet? Việc sử dụng Blog trên mạng Internet là mối quan hệ hai chiều: một mặt thể hiện trình độ hiểu biết của người dùng nhưng cũng đòi hỏi người sử dụng những phương tiện này phải tuân thủ một số quy định như phải tôn trọng bản sắc văn hóa của dân tộc, phải có trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng đối với những trang blog để ở chế độ public, các bloger không được đưa lên Blog những gì ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, không được tiết lộ những bí mật an ninh, quốc phòng, bí mật của quốc gia, không truyền

bá kích động bạo lực, đồi trụy... Tức là chúng ta phải có chế tài để quản lý Blog mà lâu nay chúng ta chỉ quan niệm đơn thuần là nhật ký cá nhân nên vẫn còn thả nổi. Việc quản lý Blog ở đây không có nghĩa là nghiêm cấm mà nên tạo điều kiện cho sự phát triển.

Xác định rõ Blog không phải là loại hình báo chí, nên Bộ Thông tin Truyền thông sẽ không đưa việc quản lý blog vào trong luật báo chí sửa đổi mà sẽ được quy định bằng văn bản quy phạm pháp luật. Hiện tại Bộ đang gấp rút xây dựng quy chế quản lý Blog trên cơ sở sửa đổi quyết định 27/2002/QĐ-BVHTT, của Bộ Văn hóa Thông tin trước đây về việc cung cấp thông tin, thiết lập trang tin điện tử trên Internet. Bên cạnh đó cần có sự phối hợp giữa các Bộ Thông tin Truyền thông và Bộ Công an để có sự giám sát và xử lý thích hợp đối với những hoạt động sai trái của những trang blog đen.

Ngoài việc đưa ra những chế tài nhất định để quản lý cần phải có biện pháp và nội dung để giáo dục về nhận thức để mọi người có thể lựa chọn những thông tin tốt đưa vào Blog, giáo dục cho những người tham gia Blog biết cần phải đưa những thông tin gì và không đưa những thông tin gì. Mặt khác các đối tượng quản lý phải bao gồm cả những nhà cung cấp dịch vụ. Các Blog hiện nay chủ yếu được xây dựng trên nền các Website nước ngoài như Yahoo và Google nên rất khó thực hiện các biện pháp quản lý kỹ thuật. Đối với các nhà cung cấp dịch vụ phải hết sức thận trọng giữa lợi ích của Blog và vấn đề chế định, cần phải có những thỏa thuận bắt buộc khi người dùng đăng ký sử dụng dịch vụ. Việc quản lý nội dung Blog chỉ thực hiện được khi chúng ta quản lý được Weblog có đăng ký hoạt động với cơ quan chức năng, mọi hoạt động phải thông qua sự kiểm duyệt của quản trị mạng, khi sai phạm chính Weblog chịu trách nhiệm với cơ quan quản lý.

Một tin vui đối với những người đang quan tâm đến việc quản lý blog đó là Yahoo sẽ cho dịch 360 ra tiếng Việt và đồng ý hợp tác với chính phủ các nước tham gia sử dụng dịch vụ của mình khi xây ra sự cố trên mạng internet. Hy vọng Blog sẽ là ngôi nhà đẹp chào đón mọi người. ■

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ THU HÚT ĐẦU TƯ...

(Tiếp theo trang 15)

những dự án có quy mô vốn từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

- Đầu tư ngân sách cần thiết để cải thiện cơ sở hạ tầng tại địa phương. Đây là vấn đề các nhà đầu tư đặc biệt quan tâm. Cơ sở hạ tầng của Lâm Đồng hiện còn nhiều bất cập, dã xa cảng biển, xa các thành phố lớn mà lại không đồng bộ, di lại khó khăn đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư cũng như nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí của các nhà đầu tư tầm cỡ...

- Tính thực tiễn, đồng bộ và công khai của các quy hoạch từ quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của địa phương đến các quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất... Đây là vấn đề chiến lược lâu dài và tầm nhìn cho tương lai được nhiều nhà đầu tư quan tâm. ■

HỘI THI SÁNG TẠO...

(Tiếp theo trang 23)

Hội thi lần này tuy được tổ chức trong một khoảng thời gian không nhiều (phát động từ tháng 04/2007) song với sự nỗ lực trong công tác tuyên truyền, vận động và tổ chức của cơ quan chủ trì là Sở Khoa học & Công nghệ và các cơ quan phối hợp là Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật, Liên đoàn Lao động, Tỉnh Đoàn đã thu hút được nhiều giải pháp dự thi và mang lại những kết quả đáng phấn khởi, thể hiện được tiềm năng sáng tạo trong công nhân, nông dân và nhà khoa học của địa phương.

Kết quả của hội thi sáng tạo kỹ thuật lần thứ III (năm 2007) phần nào phản ánh được phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, các hộ nông dân đã được quan tâm đúng mức và đang dần đi vào chiều sâu, góp phần thiết thực nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh; là tiền đề tốt cho việc đẩy mạnh phong trào trong các năm tiếp theo và là yếu tố quan trọng góp phần thu hút nhiều hơn nữa các giải pháp sáng tạo kỹ thuật tham dự hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng lần thứ IV (năm 2008 - 2009). ■

Festival hoa Đà Lạt 2007

VĂN ĐỀ CHỌN TẠO GIỐNG HOA VÀ THỊ TRƯỜNG HOA CẮT CÀNH ĐÀ LẠT

TRƯƠNG TRÔ

Giám đốc Sở KH&CN Lâm Đồng

Trong khuôn khổ Festival hoa Đà Lạt 2007, có 2 hội thảo kỹ thuật là: hội thảo Công nghệ sinh học thực vật trong công tác nhân giống và chọn tạo giống hoa do Viện Khoa học Việt Nam và Phân viện sinh học Đà Lạt tổ chức; hội thảo Hoa Đà Lạt, cơ hội và thách thức trong thương mại do Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Lạt tổ chức. Đại biểu tham dự là các nhà khoa học đến từ Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, miền Trung, miền Đông Nam bộ, các nhà khoa học đang sống và làm việc tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hoa tại Đà Lạt.

Hội thảo đã tập trung thảo luận các vấn đề về KHCN và mối quan hệ giữa khoa học công nghệ với các hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội thảo đã nghe giới thiệu nhiều đề tài lai tạo, đột biến gen tạo những giống hoa mới, phương pháp nhân nhanh và tiết kiệm năng lượng trong nuôi cây các giống hoa và các vấn đề kỹ thuật trồng hoa khác.

Trong hội thảo, bốn nhà - nhà quản lý, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, và nhà sản xuất đã có những cuộc trao đổi rất bổ ích. Tất nhiên còn nhiều điều chưa hiểu nhau. Các doanh nghiệp và sản xuất rất kỳ vọng sự đóng góp của KHCN mà đại diện là các nhà khoa học và các nhà quản lý nhưng trên thực tế thì chưa làm được gì nhiều, thậm chí có những đề tài nghiên cứu khoa học không thể ứng dụng ngay cho doanh nghiệp. Bởi vì doanh nghiệp đứng trước môi trường cạnh tranh rất gay gắt. Họ chỉ biết sản xuất các loại giống nào có chất lượng, tiêu thụ được, sử dụng phương pháp đóng gói, vận chuyển nào giá rẻ, nhanh gọn, phù hợp với giá cả thị trường. Đại diện một doanh nghiệp

trồng hoa nước ngoài cho rằng kết quả nghiên cứu nêu trong các báo cáo khoa học không giúp ích gì cho bản thân doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp cá vồn trong nước cũng cho rằng có nhiều nội dung trong hội thảo đã bàn mãi rồi nhưng chính quyền địa phương không triển khai, chẳng hạn như việc xây dựng chợ hoa là rất bức xúc, đã nêu ra nhiều năm rồi.

Các báo cáo thuộc các nhà quản lý ngành nông nghiệp thì cũng chỉ là những định hướng khá cũ. Qua đó chúng ta thấy rằng việc xác định các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ cho ngành hoa Đà Lạt là rất khó khăn; phải chọn lựa những nhiệm vụ đáp ứng được yêu cầu kế hoạch kinh tế - xã hội của địa phương, của các doanh nghiệp, có đề tài phục vụ trước mắt, có đề tài phục vụ lâu dài. Sản phẩm của đề tài nghiên cứu phục vụ cho sản xuất kinh doanh hoa, nhưng cũng có những đề tài không trực tiếp tác động ngay và thực tế sản xuất mà là những nghiên cứu về công nghệ, kỹ thuật có liên quan đến việc chọn tạo giống mới, các công nghệ chế biến mới, các phương pháp canh tác mới nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Từ kết quả nghiên cứu đến việc ứng dụng thành công trong sản xuất, kinh doanh còn là một quá trình không ít khó khăn, có thể thành công hoặc không thành công. Như vậy giữa nhà khoa học và doanh nghiệp chưa có sự gap nhau. Còn nhà nước giữ vai trò chiếc cầu nối giữa các nhà cũng rất lúng túng. Việc chọn tạo giống mới nói ở trên chính là để phục vụ lâu dài cho ngành hoa Đà Lạt. Nhà khoa học mới dùng lại ở khâu nghiên cứu (R) chưa tiến tới bước triển khai (D). Chính bước triển khai phải có sự hợp tác giữa các nhà, nếu không kết

nối được các nhà trong khâu này thì các đề tài, dự án không thể thành công.

Về thị trường hoa, các báo cáo tập trung nêu những vấn đề bất cập của tình trạng sản xuất hoa còn theo kiểu manh mún nhỏ lẻ, chất lượng thấp của hoa Đà Lạt.

Thị trường hoa cơ bản không khác gì thị trường rau, việc sản xuất là trách nhiệm của nông dân, nhưng giá cả là do các thương lái quyết định. Hội thảo cũng bàn đến chuỗi giá trị của sản phẩm hoa, người sản xuất chỉ hưởng 20% lợi nhuận, 80% còn lại là thuộc về khâu lưu thông. Người sản xuất nhỏ bao giờ cũng thiệt thòi nhưng lại là lực lượng chủ yếu tạo ra các sản phẩm, diện tích sản xuất chiếm hàng nghìn hecta. Đây chính là mấu chốt của nhà sản xuất. Đôi với các doanh nghiệp có tiềm lực lớn, có vốn đầu tư nước ngoài thì họ tự xác lập được thị trường riêng, các đối tượng khác không dễ gì thâm nhập được. Các doanh nghiệp nhỏ và hộ sản xuất đơn lẻ không thể tạo được “đầu ra ổn định” cho sản phẩm hoa của mình, thực sự họ cần sự giúp sức của nhà nước. Trong những năm qua, nhà nước địa phương cũng đã có khá nhiều cách tác động cho thị trường hoa Đà Lạt nhưng không thấy hiệu quả lắm, mới chỉ là những tác động bên ngoài, chưa đi vào bản chất của vấn đề kỹ thuật. Trong 5 năm vừa qua Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai nhiều đề tài khoa học nhằm phục vụ cho việc phát triển hoa cụ thể là: Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất hoa theo hướng công nghiệp; Nghiên cứu nhân nhanh các giống lan cymbidium, lan hồ điệp; Xây dựng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc các loại hoa nhập ngoại như cúc, đồng tiền, cầm chướng; Nghiên cứu các biện pháp phòng trừ bệnh thối củ trên cây địa lan; Nghiên cứu nhân cây để bảo tồn các giống lan rừng quý hiếm của Đà Lạt để phục vụ cho công tác tạo giống hoa trong tương lai; Nghiên cứu việc xử lý sau thu hoạch, xử lý bảo quản kéo dài thời gian sống của các loại hoa cắt cành Đà Lạt ngay tại Đà Lạt và thành phố Hồ Chí Minh; Nghiên cứu sản xuất địa lan theo hướng an toàn dịch bệnh; Xây dựng dự án khoa học công nghệ hỗ trợ sản xuất hoa (địa lan, cúc, hoa hồng) từ khâu sản xuất giống, chăm sóc,

thu hoạch bảo quản, xử lý bao bì, đóng gói, xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền. Những đóng góp này cũng mới chỉ là những tác động mang tính thí điểm chưa có tác động mạnh vào quá trình tạo ra giá trị sản xuất và xuất khẩu.

Hội thảo đã nhắc lại một số kiến nghị quan trọng đối với chính quyền cấp tỉnh và thành phố Đà Lạt là:

- Tổ chức hội nghị kiểm điểm tình hình thực hiện nghị quyết của chính phủ về việc liên kết giữa bốn nhà trong việc sản xuất hoa tại Đà Lạt. Qua đó xây dựng chương trình phát triển hoa đến năm 2015.

- Thành lập một trung tâm mua bán, giao dịch hoa Đà Lạt. Nhà nước chỉ cần đầu tư phê duyệt quy hoạch, xây dựng hạ tầng, cho thuê đất với giá ưu tiên đối với những nhà sản xuất kinh doanh hoa trên địa bàn để họ cùng tổ chức đầu tư, sử dụng.

- Triển khai chương trình hỗ trợ sản xuất hoa đến năm 2015 với nhiều nội dung như: Tổ chức thông tin khoa học kỹ thuật về thị trường hoa; tổ chức chỉ đạo sản xuất hoa, triển khai hàng loạt các đề tài nghiên cứu khoa học về hoa từ nghiên cứu chọn tạo giống, khảo nghiệm, cung ứng giống,..; nghiên cứu thị trường nội địa và xuất khẩu; đăng ký thương hiệu hoa Đà Lạt và bản quyền các giống hoa Đà Lạt.

Hoa Đà Lạt phải nhanh chóng hội nhập với nền công nghiệp trồng hoa của các nước tiên tiến trên thế giới thì mới có khả năng đạt tới vài tia cạnh trong những năm tới. Đó là phát biểu của bà Myrtille Danse, một chuyên gia nghiên cứu về hoa của Hà Lan đã có hơn hai năm nghiên cứu về ba vùng hoa lớn nhất Việt Nam là Hà Nội, Sa Pa và Đà Lạt. Hoa Đà Lạt đã bay đến các miền của tổ quốc Việt Nam và bạn bè thế giới, ước mong rằng sẽ có được sự đầu tư nhiều hơn nữa từ nhiều phía.

Trong khuôn khổ Festival hoa Đà Lạt 2007, với nhiều nội dung phong phú khác nhau, hội thảo khoa học về hoa cắt cành Đà Lạt, tuy không được đầu tư nhiều kinh phí, song đã có những đóng góp hết sức có ý nghĩa. Đó là những gì để lại nhằm dẫn dắt cho lần festival kế tiếp. ■

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI LÂM ĐỒNG

HÀ HUYỀN

Thực hiện chủ trương đột phá, tăng tốc trong năm 2008 với chủ đề "tiếp tục cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tập trung phát triển kinh tế - xã hội", đưa Lâm Đồng thoát khỏi tình trạng chậm phát triển. Nhưng làm thế nào để cải thiện môi trường đầu tư và đẩy mạnh việc thu hút đầu tư?

Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp năm 2005 ra đời được dư luận xã hội, nhất là cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước đồng tình ủng hộ và đánh giá cao; cho rằng việc thông qua và ban hành 2 luật này sẽ tiếp tục góp phần quan trọng trong việc cải thiện môi trường kinh doanh ở Việt Nam.

Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp năm 2005 ngoài việc áp dụng thống nhất cho các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế còn góp phần tích cực vào việc thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần; khai thác mạnh mẽ mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển kinh tế; khơi dậy tính năng động, sáng tạo, quyết tâm, tự chủ của các doanh nghiệp, doanh nhân. Đồng thời tạo khung pháp lý thống nhất, minh bạch, bình đẳng hơn cho mọi loại hình doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Cùng với cả nước, môi trường đầu tư của tỉnh Lâm Đồng cũng liên tục được cải thiện. Các nhà đầu tư trong và ngoài nước đã thật sự cảm thấy cơ hội đầu tư và đang bỏ vốn vào Lâm Đồng. Tỉnh Lâm Đồng luôn hoan nghênh các nhà đầu tư trong và ngoài nước cùng hợp tác với địa phương để khai thác một cách có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Từ năm 2006, số lượng các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến với Lâm Đồng ngày càng tăng. Tuy nhiên, để tạo được sự tăng tốc, đột phá trong

phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cần phải cải thiện một cách hữu hiệu môi trường đầu tư:

- Tạo môi trường đầu tư thân thiện, gần gũi và đồng hành. Một khi nhà đầu tư đã chọn Lâm Đồng thì các bước tiến hành từ khâu xin chủ trương đến việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý đều được cấp giấy chứng nhận đầu tư, việc thuê đất, đèn bù giải phóng mặt bằng, việc xin giấy phép xây dựng, tiến hành triển khai dự án thật sự là một chặng đường dài mà các nhà đầu tư phải vượt qua. Do đó, các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương phải thật sự phối hợp, cùng giúp nhà đầu tư tháo gỡ các khó khăn gấp phải trong quá trình xử lý công việc, kịp thời giải quyết kể cả ở cấp cao nhất là Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tăng cường tính minh bạch, công khai, nhất quán của luật pháp và chính sách của Nhà nước cũng như của địa phương. Thực thi pháp luật công bằng và hiệu quả, điều này đặc biệt quan trọng đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

- Đơn giản hóa thủ tục đầu tư: Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đầu tư; nên bỏ qua giai đoạn xin chủ trương đầu tư của tỉnh đối với các dự án thuộc diện đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư; chỉ xin chủ trương đầu tư đối với

(Xem tiếp trang 12)

CÔNG NGHỆ CÀN BÁN

MÁY TÁCH BẮP KHÔNG LỘT VỎ

Tiêu chuẩn đạt được: TCVN

Mô tả quy trình CN/TB: Cho máy hoạt động, đổ bắp vào máng cấp liệu, trống đập sẽ quay và tách hạt bắp ra khỏi cùi bắp. Hạt bắp sẽ được thu hồi tại máng tháo liệu, còn cùi bắp và vỏ sẽ được phun ra riêng.

Công suất: 4 tấn hạt/h

Trọng lượng máy: 550 kg

Độ ẩm hạt thích hợp: < 39%

Chất lượng: Độ sót hạt: 0%; Độ tổn thương hạt: 4-10%; Độ sạch hạt: >95%

Lĩnh vực áp dụng: 6513 - Quá trình và thiết bị sản xuất thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Không cần lột vỏ trước: giảm chi phí lao động; Không cần làm khô trước khi tách hạt: giảm khối lượng khí phoi, sấy. Năng suất máy cao, góp phần thu hoạch đúng thời vụ, giảm chi phí sản xuất, giảm tổn thất khi thu hoạch. Vật liệu chế tạo mới và thay thế có sẵn trong nước.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyên giao: Đào tạo

Chào giá tham khảo: Giá máy móc: 20 triệu VNĐ

Hình thức cung cấp: Theo đơn đặt hàng

Đơn vị chào bán: Trung tâm Năng lượng và máy nông nghiệp - Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT BỘT SINH KHÓI NẤM LINH CHI

Mô tả quy trình CN/TB: Tuyển chọn giống — Nhận giống — Xử lý nguyên liệu — Phối trộn nguyên liệu và thanh trùng — Cây giống — Lên men — Lọc — Sấy — Nghiền — Sàng — Nhào trộn — Đóng gói, bảo quản.

Công suất (tính theo ca): 30kg/ca

Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác: Đảm bảo chất lượng tốt, sản xuất liên tục, công suất, công năng ổn định, hiệu quả kinh tế cao.

Xuất xứ CN/TB: Từ đề tài nghiên cứu của đơn vị.

Lĩnh vực áp dụng: 6145 - Công nghệ các chất hoá dược; 65 - Công nghiệp thực phẩm

Ưu điểm của CN/TB: Đơn giản. Hoàn toàn dùng nguyên liệu sẵn có trong nước. Sản phẩm có mùi thơm đặc trưng, thuận tiện đối với người tiêu dùng.

Mức độ phát triển: Quy mô công nghiệp

Phương thức chuyên giao: Chuyển giao bí quyết

Chào giá tham khảo: Giá bán công nghệ - theo thoả thuận. Giá máy móc: 150 triệu; Phi đào tạo: 20 triệu; Phi chuyển giao bí quyết: 100 triệu; Phi tư vấn kỹ thuật: 30 triệu; Chi phí khác: 10 triệu.

Thời gian và hình thức bảo hành: 3 năm, thường xuyên cung cấp chủng giống chuẩn để đảm bảo chất lượng ổn định lâu dài.

Đơn vị chào bán: Trường Đại học Khoa học tự nhiên TP. Hồ Chí Minh

GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM CÔNG CỤ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC CỦA DOANH NGHIỆP

NGUYỄN MINH TÂM
Sở KHCN Lâm Đồng

Ngày 9/12/2007 tại Trung tâm Hội Nghị Quốc Gia (Hà Nội), Giải thưởng chất lượng Việt Nam (GTCLVN) năm 2007 đã được trao cho 131 doanh nghiệp. Đây là các doanh nghiệp đã thiết lập được hệ thống quản lý chất lượng và vận hành một cách hiệu quả. Trong đó, hầu hết các doanh nghiệp đã có hoạt động quản lý chiến lược hiệu quả, mang lại các kết quả và hứa hẹn tương lai sáng sủa cho hoạt động sản xuất kinh doanh của họ.

GTCLVN, ở khía cạnh đo lường, có thể dùng như một công cụ nâng cao chất lượng quản lý chiến lược của doanh nghiệp. Trong 7 tiêu chí của GTCLVN, tiêu chí quan trọng thứ hai để cập đến nội dung quản lý chiến lược của doanh nghiệp. Tiêu chí này gồm 2 hạng mục là quá trình xây dựng chiến lược và triển khai chiến lược. Tuy điểm số cụ thể cho tiêu chí này không chiếm tỷ trọng cao trong tổng thể, nhưng các yếu tố liên quan với nó đã được xem xét tương ứng trong các tiêu chí còn lại từ vai trò của lãnh đạo đến việc thu thập xử lý thông

tin, kết quả của các hoạt động kinh doanh... Với 4 yếu tố được sử dụng là: phương pháp tiếp cận, mức độ triển khai, nâng cao kiến thức và mức độ hài hòa được sử dụng thì quá trình xây dựng và triển khai chiến lược đã được đánh giá khá đầy đủ.

CÁC TIÊU CHÍ VÀ HẠNG MỤC CỦA GTCLVN 2007

Tổng số điểm: 1000

- 1. vai trò lãnh đạo – 120 điểm**
 - 1.1. Lãnh đạo doanh nghiệp – 70 điểm
 - 1.2. Điều hành và trách nhiệm xã hội – 50 điểm
- 2. Hoạch định chiến lược – 85 điểm**
 - 2.1. Xây dựng chiến lược – 40 điểm
 - 2.2. Triển khai chiến lược – 45 điểm
- 3. Định hướng vào khách hàng và thị trường – 85 điểm**
 - 3.1. Hiểu biết về khách hàng và thị trường – 40 điểm
 - 3.2. Mối quan hệ với khách hàng và thỏa mãn khách hàng – 45 điểm
- 4. Thông tin và phân tích hoạt động – 90 điểm**
 - 4.1. Đo lường, phân tích và xem xét hoạt động của doanh nghiệp – 45 điểm
 - 4.2. Quản lý thông tin và tri thức – 45 điểm
- 5. Phát triển nguồn nhân lực – 85 điểm**
 - 5.1. Bố trí sắp xếp công việc – 35 điểm
 - 5.2. Nâng cao kiến thức và khuyến khích người lao động – 25 điểm
 - 5.3. Chăm sóc sức khỏe và thỏa mãn người lao động – 25 điểm
- 6. Quản lý các quá trình hoạt động – 85 điểm**
 - 6.1. Các quá trình tạo giá trị – 45 điểm
 - 6.2. Các quá trình hỗ trợ và lập phương án tác nghiệp – 40 điểm
- 7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh – 450 điểm**
 - 7.1. Kết quả về sản phẩm và dịch vụ – 100 điểm
 - 7.2. Kết quả về định hướng khách hàng – 70 điểm
 - 7.3. Kết quả về tài chính và thị trường – 70 điểm
 - 7.4. Kết quả về nguồn nhân lực – 70 điểm
 - 7.5. Kết quả về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp – 70 điểm
 - 7.6. Kết quả về điều hành và trách nhiệm xã hội – 70 điểm

Xây dựng chiến lược

Với phương pháp tiếp cận quá trình, hạng mục xây dựng chiến lược (2.1) nhấn mạnh cách thức xây dựng chiến lược. Các nội dung cần nêu bật là: các bước, xác định các điểm còn chưa rõ của chính quá trình này, các mốc thời gian. Ở đây, chiến lược phải được hiểu theo nghĩa rộng. Chiến lược có thể được xây dựng hướng tới bất kỳ hoặc tất cả các nội dung như: các sản phẩm, dịch vụ, thị trường mới; tăng trưởng doanh số nhờ mở rộng sản xuất kinh doanh mới, đối tác, đồng minh mới và các mối quan hệ mới với người lao động...

Việc xây dựng chiến lược cần nêu rõ cách thu thập thông tin trong và ngoài doanh nghiệp, dự báo về biến động lớn về công nghệ, thị trường, sự cạnh tranh hoặc môi trường pháp lý, cũng như khả năng của chính doanh nghiệp. Từ đó có các phân tích để thấy được viễn cảnh tương lai doanh nghiệp đưa ra các quyết định và phân bổ nguồn lực phù hợp. Chính vì vậy, việc xây dựng chiến lược cần có sự tham gia của các nhà cung ứng, nhà phân phối, đối tác và khách hàng chính.

Công cụ chủ yếu sử dụng để thực hiện các nội dung nêu trên có thể là: *phân tích chuỗi giá trị* nhằm phân tích nội bộ doanh nghiệp; *năm sức mạnh cạnh tranh sản xuất* nhằm tìm hiểu môi trường bên ngoài áp lực từ người tiêu dùng, nhà cung ứng, sản phẩm thay thế và sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cũ và mới trong ngành); *phân tích SWOT* (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức) nhằm phân tích liên kết các yếu tố trong và ngoài... [1]

Khi nêu các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức cần mô tả tất cả các yếu tố chính dẫn đến sự thành công của DN trong tương lai, bao gồm:

Nhu cầu, mong muốn của khách hàng, thị trường và các cơ hội;

Môi trường cạnh tranh và khả năng của DN

so với các đối thủ cạnh tranh, các DN khác mà có thể so sánh được;

Chu trình sống của sản phẩm;

Đổi mới hoặc thay đổi về công nghệ và các nội dung chính khác tác động đến sản phẩm và dịch vụ của DN, việc thực hiện đổi mới và thay đổi đó và mức độ đổi mới;

Nhu cầu về nhân lực và các nguồn lực khác;

Cơ hội để định hướng lại các nguồn lực tập trung vào những sản phẩm, dịch vụ hoặc lĩnh vực có mức độ ưu tiên cao hơn;

Rủi ro về tài chính, xã hội, đạo đức, pháp lý, công nghệ và rủi ro tiềm ẩn khác;

Thay đổi trong nền kinh tế quốc dân và toàn cầu;

Nhu cầu, điểm mạnh và điểm yếu của các đối tác và chuỗi cung ứng;

Các yếu tố đặc thù khác của DN;

Trong hạng mục 2.1 các mục tiêu chiến lược cũng được đánh giá theo phân kỳ dự kiến và mức độ gắn kết với các thách thức ngan hạn và dài hạn của doanh nghiệp nhằm đưa ra các giải pháp để đảm bảo lợi ích của tất cả các bên liên quan.

Triển khai chiến lược

Việc triển khai chiến lược được đánh giá tại hạng mục 2.2 với số điểm cao hơn một chút so với hạng mục 2.1. Điều đó cho thấy vai trò quan trọng trong việc hoạch định và tổ chức thực thi chiến lược.

Các vấn đề thực thi chiến lược được đánh giá trên các khía cạnh cụ thể hóa thành các kế hoạch chi tiết gắn với các chỉ tiêu đo lường thực hiện của doanh nghiệp trong tổng thể việc triển khai cũng như với các đối tác chính. Việc đánh giá thực hiện các kế hoạch cần tập trung vào các sản phẩm, thị trường, khách hàng chính và cách thức tổ chức các nguồn lực đảm bảo.

Việc xác định các mục tiêu chiến thuật cần bám sát vào: các đặc tính cụ thể, có thể đo lường được, có thể giao cho mọi người, có khả năng thực hiện, có giới hạn thời gian cụ thể (nguyên tắc SMART). [2] Nhưng điều cần nhất là tính nhất quán của các mục tiêu chiến thuật với chiến lược đã đề ra. Trong quá trình thực hiện chiến lược việc áp dụng các chính sách có thể đảm bảo tính uyên chuyển cho việc điều hành chiến thuật, nhưng vẫn đảm bảo các mục tiêu chiến lược và phát huy được tính năng động của các cấp tổ chức.

Khả năng hoàn thành kế hoạch chiến lược cần đề cập đến sự linh hoạt của doanh nghiệp căn cứ vào các kế hoạch dự phòng hoặc nếu hoàn cảnh thực tế đòi hỏi, sự thay đổi kế hoạch và việc hoàn thành nhanh chóng các kế hoạch mới hoặc kế hoạch đã được thay đổi.

Vẫn đề tổ chức các nguồn lực trong quá trình thực hiện chiến lược, nhất là nguồn nhân lực có ý nghĩa quyết định. Việc tổ chức nguồn lực phải đạt được sự hội nhập trong toàn bộ tổ chức. Việc sử dụng các mô hình tổ chức theo đan xen chức năng có thể đạt được hiệu quả cao và sự linh hoạt cần thiết trong quá trình thực thi. [2]

Chỉ tiêu kết quả hoạt động được đưa ra trong 2.2 thể hiện hoạt động theo các mốc thời gian kế hoạch và có thể bao gồm cả những thay đổi xuất phát từ các dự án sản xuất kinh doanh mới; mở rộng hoặc sát nhập cơ sở sản xuất, kinh doanh; việc tạo giá trị mới; thâm nhập và chuyên dịch thị trường và những đổi mới quan trọng tiên đoán được trước về sản phẩm, dịch vụ và công nghệ.

Đối sánh kết quả hoạt động với các đối thủ cạnh tranh hoặc các doanh nghiệp tương tự cho thấy rõ hiệu quả thực thi cho mục đích cạnh tranh tổng thể. Tuy nhiên, ở đây cần phải xác định rõ các chuẩn đối sánh và cách thức thực hiện (các quy định cần thiết) đảm bảo giá trị của việc đối sánh.

Vấn đề chiến lược của doanh nghiệp được phản ánh hầu như trong tất cả các tiêu chí của

Giải thưởng. Có thể thấy:

Mục 1.1 về cách thúc đẩy sẽ đề ra và thông báo các định hướng chiến lược.

Tiêu chí 3 về thu thập thông tin về khách hàng và thị trường làm đầu vào cho chiến lược, kế hoạch hành động và cho việc thực hiện kế hoạch hàng động.

Tiêu chí 4 về thông tin và phân tích hoạt động của doanh nghiệp hỗ trợ nhu cầu thông tin chính của doanh nghiệp, để hỗ trợ việc xây dựng chiến lược, để tạo lập cơ sở cho việc đo lường kết quả hoạt động và để theo dõi sự tiến triển liên quan đến mục tiêu chiến lược và kế hoạch hàng động của doanh nghiệp.

Tiêu chí 5 về nhu cầu đối với hệ thống làm việc; giáo dục, đào tạo và phát triển người lao động và về thực hiện những thay đổi liên quan đến nguồn nhân lực xuất phát từ kế hoạch hành động.

Tiêu chí 6 về yêu cầu đối với các quá trình xuất phát từ kế hoạch hành động.

Hạng mục 7.6 về kết quả thực hiện đối với chiến lược và kế hoạch hành động.

Mặc dù báo cáo theo các tiêu chí của GTCLVN rất ngắn gọn, nhưng vẫn có thể dùng như công cụ đo lường và chỉ dẫn cho doanh nghiệp thực hiện hoạt động quản lý chiến lược một cách hiệu quả. Việc tự đánh giá định kỳ của doanh nghiệp theo các tiêu chí này giúp các doanh nghiệp tìm ra cơ hội cải tiến chất lượng của việc quản lý chiến lược. Hơn thế nữa, việc doanh nghiệp tham dự GTCLVN còn nhận được cơ hội có sự đánh giá khách quan từ bên ngoài, và/hoặc thêm các ý kiến tư vấn hữu ích. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vương Đào, Thành công nhờ quản lý, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2005.

2. Nguyễn Hữu Lam (chủ biên), Quản trị chiến lược phát triển vị thế cạnh tranh, NXB Giáo dục, TP Hồ Chí Minh, 1998.

3. Tài liệu Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007, Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Hà Nội, 2007.

BÀN VỀ VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CÓ KỸ NĂNG LAO ĐỘNG CAO

PGS. TS PHẠM BÁ PHONG

Hiệu trưởng Trường Đại học Yersin Đà Lạt

Nhin từ góc độ nguồn nhân lực, Việt Nam hiện nay đang có 53 triệu người trong độ tuổi lao động, chiếm hơn 63% dân số. Đây là một tiềm năng lớn để phát triển kinh tế, là lợi thế cần khai thác phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm mục tiêu trở thành quốc gia công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Để phát huy nguồn lực này, đòi hỏi phải có một chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhân tài của đất nước ke cù đào tạo lao động nghề cơ bản đến lao động có kỹ thuật cao.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến vấn đề đào tạo nhân lực kỹ năng lao động cao.

Theo những số liệu thống kê nhận được, việc cung cấp nguồn nhân lực cao cấp ở Việt Nam hiện tại mới chỉ đáp ứng từ 30-40% nhu cầu của nền kinh tế. Các chuyên gia nhân lực nhận định, con sốt nhân lực cao cấp ngày càng bức xúc hơn, khi nước ta đã là thành viên thứ 150 của WTO.

Thực tế, WTO đến với Việt Nam không chỉ có tầm ảnh hưởng đến khu vực nghề cơ bản mà còn gây ra những tác động lớn tới khu vực lao động kỹ thuật cao, một bộ phận có thể coi là điểm yếu nhất của thị trường lao động Việt Nam hiện nay.

Trường Đại học Yersin Đà Lạt ra đời vào

những năm đầu thế kỷ XXI, gánh vác một sứ mệnh to lớn là xây dựng trường thành Đại học đa ngành hoàn chỉnh với các khối đào tạo là kỹ thuật - công nghệ, kinh tế - quản trị kinh doanh, khoa học xã hội và nhân văn, mỹ thuật, với mục tiêu đào tạo nhân lực có những phẩm chất toàn diện, có kỹ năng nghề nghiệp, năng lực hoạt động nhóm và trong cộng đồng cùng với khả năng lập nghiệp, đáp ứng yêu cầu của mọi thị trường lao động.

Xuất phát từ sứ mệnh và mục tiêu đặt ra, để xác định thực trạng và chỗ đứng của mình, nhà trường đã bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học, ban hành theo Quyết định số 38/2004/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trên cơ sở đó xây dựng một kế hoạch chiến lược toàn diện hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật - công nghệ cao, góp phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Tây Nguyên, miền Nam Trung bộ và miền Đông Nam bộ.

Từ năm học đầu tiên (2004-2005) nhà trường đã đầu tư cho nhiệm vụ xây dựng hệ thống chương trình, đảm bảo phân bổ các môn học chính có giáo trình hoặc bài giảng cho sinh viên học tập và làm tài liệu tham khảo. Xây dựng kế hoạch với lộ trình cụ thể từng bước chuyển sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ.

Đây là bước ngoặt quan trọng trong tiến trình đổi mới phương pháp dạy và học theo xu hướng hiện đại nhằm xây dựng những quan điểm nhất quán mới cách truyền đạt kiến thức cho sinh viên; cung cấp kiến thức cơ bản tối thiểu làm nền tảng, trên cơ sở đó sinh viên học được cách suy nghĩ độc lập, tạo cho mình khả năng khi



(Xem tiếp trang 22)

ÁP DỤNG ISO 9000 TRONG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG

LÊ ĐỨC THỌ

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

T **rong** chủ đề đột phá, tăng tốc của tỉnh năm 2008 thì cải cách hành chính là nội dung được đề cập đến đầu tiên. Việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 9000 trong dịch vụ hành chính công có thể được xem như là công cụ hỗ trợ đắc lực. Ngay từ năm 2001, Sở Khoa học và Công nghệ đã tích cực tuyên truyền, động viên và hướng dẫn các đơn vị trong tỉnh triển khai áp dụng ISO 9000 trong dịch vụ hành chính công. Đến nay toàn tỉnh có 22 đơn vị đã và đang triển khai thực hiện (8 UBND cấp huyện, 14 sở, ban, ngành) trong đó có 10 đơn vị đã được cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2000, 2 đơn vị sẽ được đánh giá để cấp giấy chứng nhận trong thời gian tới.

Thực hiện Quyết định 144 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã có kế hoạch triển khai áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 trong các cơ quan hành chính của tỉnh giai đoạn từ 2007-2010. Các ngành chức năng: Sở Tài chính, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ đã thống nhất trong hướng dẫn thực hiện. Hầu hết các đơn vị đã nhận thức và tham gia chủ động vào kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức thực hiện các đơn vị đã xác định được mục đích yêu cầu, nội dung, phạm vi và số lượng sản phẩm đưa vào áp dụng, gắn với chức năng nhiệm vụ của đơn vị và phù hợp với các nội dung thực hiện theo cơ chế một cửa. Tuy nhiên tiến độ thực hiện đa số dự án đều chậm so với đề cương đã được duyệt.

Áp dụng ISO 9001:2000 trong các cơ quan hành chính công được xem là một đột phá mới trong công cuộc cải cách hành chính của tỉnh, bởi lẽ qua đó đã làm thay đổi về tư duy, phong cách, lề lối làm việc của đội ngũ CBCC. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ công chúng được tăng lên rõ rệt, hạn chế được các phiền hà nhũng nhiễu, mồi quan

hệ trong giải quyết công việc chặt chẽ, đồng bộ hơn.

Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 trong dịch vụ hành chính công đã hỗ trợ tốt cho việc thực hiện cơ chế một cửa theo quy định. So với trước khi áp dụng thì các thủ tục hành chính được đơn giản hơn, rõ ràng, công khai, đúng pháp luật, thời gian giải quyết được quy định rất cụ thể và rút ngắn hơn trước khi áp dụng. Công tác phối hợp giữa các bộ phận, cá nhân có liên quan được giải quyết nhanh chóng và thuận lợi hơn.

Trên tổng thể, việc áp dụng ISO 9001:2000 thực chất là áp dụng phương pháp quản lý khoa học, tạo ra cơ chế quản lý tự động trong việc kiểm soát công việc và con người, thúc đẩy cả hệ thống làm việc đồng bộ, giải phóng người lãnh đạo khỏi công việc có tính sự vụ. Vì vậy việc áp dụng ISO 9001:2000 trong các cơ quan hành chính công là cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác cải cách hành chính.

Song như đã nêu, các dự án thực hiện còn chậm, thậm chí chật vật. Một số yếu tố nổi lên như là rào cản cho việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000 trong hành chính có thể thấy là:

- Áp dụng ISO 9000 trong các cơ quan hành chính là việc kiểm soát toàn bộ quá trình cung cấp dịch vụ hành chính từ đầu vào cho đến đầu ra nên trong một số lĩnh vực đòi hỏi có sự phối hợp của nhiều đơn vị liên quan mới giải quyết được, tuy nhiên việc triển khai áp dụng ở tỉnh ta chưa đồng bộ, nhất là việc thực hiện liên thông giữa các ngành nên còn gây khó khăn cho việc thực hiện.

- Một số lãnh đạo và một bộ phận không nhỏ

CBCC trong các đơn vị thực hiện dự án chưa nhận thức đúng về yêu cầu và lợi ích của việc triển khai áp dụng. Việc thay đổi thói quen, tác phong, lề lối làm việc cần có một thời gian nhất định. Chính vì vậy làm cho hiệu quả của một số dự án chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu. Lãnh đạo một số đơn vị chưa thực sự quan tâm và đầu tư cho việc triển khai áp dụng nên tiến độ thực hiện của các dự án còn chậm và kéo dài, hiệu quả mang lại còn thấp và chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Chưa bố trí đủ các nguồn lực cần thiết cho việc thực hiện nhất là tại bộ phận một cửa nên cũng ảnh hưởng nhiều tới hiệu quả của dự án.

Trong quá trình triển khai ứng dụng ISO 9000 cho dịch vụ hành chính tại các đơn vị trong tỉnh, về phía chủ quan tôi xin nêu ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Lãnh đạo cao nhất phải có sự am hiểu, cam kết, quyết tâm thực hiện và coi đó là một trong các nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị mình. Lãnh đạo đơn vị định kỳ phải xem xét toàn bộ hệ thống để có biện pháp xử lý kịp thời những vướng mắc;

Đại diện lãnh đạo phải là người có đủ thẩm quyền, am hiểu về ISO 9000 và có đủ uy tín để quản lý và điều hành hệ thống quản lý chất lượng và phải thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra để đảm bảo các nội dung công việc được duy trì và thực hiện có hiệu quả;

Tất cả CBCC trong đơn vị phải được quán triệt và đào tạo đầy đủ về các nội dung, yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9000 và các kỹ năng cần thiết cho việc áp dụng;

Xây dựng kế hoạch thực hiện thật chi tiết và phù hợp với tình hình thực tế của các phòng, ban, bộ phận trong đơn vị;

Việc xây dựng hệ thống tài liệu cá thể bắt đầu từ các quy trình thủ tục sau đó mới xây dựng sổ tay chất lượng. Các công việc có liên quan tới phòng, ban, bộ phận và chức danh nào trong đơn vị thì phải do phòng, ban, bộ phận và chức danh đó thực hiện;

Đơn vị thực hiện nên có chế độ khen thưởng, động viên kịp thời với các cá nhân hăng hái, nhiệt tình và thực hiện công việc có hiệu quả.■

BÀN VỀ VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO...

(Tiếp theo trang 20)

cần kiến thức gì thì biết tìm nó ở đâu và quan trọng hơn là “tiêu hóa” nó thế nào. Nói cách khác, hướng cho người học biết độc lập với kiến thức, không bị lệ thuộc, không nô lệ vào nó, biết tạo ra kiến thức mới cho chính mình.

Quán triệt cho đội ngũ thầy giáo tham nhuần cách dạy học mới, không phải nhồi nhét cho sinh viên một lượng kiến thức khổng lồ, không phải bắt buộc sinh viên có niềm tin bất di bất dịch vào kiến thức, mà phải khơi dậy cho họ đầu óc phê phán và sự hoài nghi.

Ngoài ra, nhà trường còn quan tâm đặc biệt đến việc bồi dưỡng kỹ năng tiếng Anh và tin học cho sinh viên trong suốt quá trình học tập: Đã có những bước cải tiến mạnh dạn mang tính đột phá trong giảng dạy tiếng Anh, đưa tổng quỹ giờ dạy tiếng Anh gấp 3 lần so với chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dạy tiếng Anh không theo lớp chuyên môn mà theo trình độ, thử nghiệm dạy tiếng Anh chuyên ngành tập trung, gắn kết với chương trình TOEIC, v.v... Có thể xem việc nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Anh và tin học vừa là tạo “chất xúc tác”, vừa trao thêm “chìa khoá” mở cửa vào đời. Hơn nữa, đây là những chứng chỉ góp phần tăng sức thuyết phục đối với các nhà tuyển dụng.

Năm 2008, trường Đại học Yersin Đà Lạt sẽ có lớp sinh viên tốt nghiệp khoá đầu tiên. Đây là những đứa con đầu lòng mong được xã hội tiếp nhận, thử thách và đánh giá giúp nhà trường có những bước đi vững chắc hơn, mang lại hiệu quả cao hơn vì sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho địa phương và đất nước.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lam Giang, *Đào tạo nhân lực có kỹ năng lao động khi Việt Nam vào WTO*. Bản tin “Tri thức và phát triển”, số 4.2006.
2. Nguyễn Ngọc, *Đại học... để làm gì?* Bản tin “Tri thức và phát triển”, số 4.2006.
3. Trường Giang, *Khát nhân lực cao cấp*. Bản tin “Tri thức và phát triển”, số 10.2007.
4. Nguyễn Cảnh Toàn, “*Tự học*” và “*Vừa học vừa làm*”. Tạp chí “Tri tuệ”, số 16.2007.

HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT NĂM 2007

TÔN VINH CÁC GIẢI PHÁP CÓ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG VÀ MANG LẠI HIỆU QUẢ**DƯƠNG KHẢI ĐỊNH**

Sở KHCN Lâm Đồng

Chú trọng vào yếu tố hiệu quả ứng dụng của các giải pháp sáng tạo kỹ thuật, vừa qua, Hội đồng giám khảo của Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng lần thứ III (năm 2007) đã quyết định trao 2 giải Nhì, 2 giải Ba và 6 giải khuyến khích cho các giải pháp dự thi.

Tuy không có giải nhất, song với 13 giải pháp sáng tạo kỹ thuật dự thi thuộc các lĩnh vực công nghiệp (3 giải pháp), điện tử (2 giải pháp), công nghệ thông tin (2 giải pháp), nông nghiệp (1 giải pháp), cơ khí (1 giải pháp), sinh học (1 giải pháp), môi trường (1 giải pháp), y dược (1 giải pháp) và xã hội (1 giải pháp) Hội thi cũng đã đạt được mục đích thúc đẩy phong trào thi đua lao động sáng tạo trong công nhân, nông dân, các nhà khoa học, nhà quản lý, đặc biệt là quan tâm phong trào tuổi trẻ sáng tạo, phát triển tài năng sáng tạo, tìm kiếm và ứng dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ thuật có giá trị kinh tế - xã hội vào sản xuất vào đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Các giải pháp dự thi đều được mời các chuyên gia độc lập thẩm định đánh giá theo các tiêu chí về tính mới, khả năng áp dụng rộng rãi và hiệu quả kinh tế xã hội, trong đó tiêu chí về hiệu quả mang lại từ việc ứng dụng giải pháp được đặt lên hàng đầu thể hiện qua việc nhân hệ số 4 trong thang điểm đánh giá đối với tiêu chí này.

Dưới đây xin giới thiệu một số giải pháp đạt giải cao tại hội thi 2007:

Giải pháp đạt giải Nhì: "Cải tiến kỹ thuật làm dây Go và chuyên môn hóa công đoạn làm dây Go của máy dệt" của tác giả Trần Hữu Thuận, Nhà máy dệt lụa KIMONO. Tỉnh Cty Dâu tằm tơ Việt Nam đã đề cập đến phương pháp sản xuất dây go cho máy dệt JQ (Jacquard) Nhật Bản, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh tiền lời làm chủ công nghệ, tăng năng suất và hạ giá thành sản phẩm. Sáng kiến cải tiến kỹ thuật này có thể áp dụng cho tất cả các loại máy dệt Jacquard khô hẹp và khô rộng trên thị trường Việt Nam.

giúp Nhà máy chủ động được trong việc thay đổi mặt hàng dệt, nâng cao năng suất của máy, giảm tiêu hao nguyên liệu và điện năng, chất lượng của sản phẩm lụa dệt được nâng cao. Với giải pháp này, tổng giá trị làm lợi trong 2 năm (2005-2006) tại Nhà máy dệt lụa Kimono là hơn 500 triệu đồng.

Giải pháp đạt giải Nhì đồng hạng: "Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao tỷ lệ xuất vườn chè giảm cành và chuyên giao kỹ thuật giám cành cho nông dân" của tác giả Hồ Thị Khang (đại diện nhóm tác giả), Trung tâm NC chuyên giao kỹ thuật cây công nghiệp và cây ăn quả Lâm Đồng đã nghiên cứu giải pháp chăm sóc vườn giống lấy cành nhằm tăng năng suất, chất lượng; tìm ra nguyên nhân hạn chế tỉ lệ xuất vườn và nâng cao tỉ lệ xuất vườn và là cơ sở để xây dựng quy trình trồng, chăm sóc, nhân giống chè cành. Có khả năng áp dụng rộng rãi đến các hộ nông dân vô tính bằng phương pháp giám cành. Giải pháp này đã giúp tăng tổng sản lượng sản xuất hàng năm lên hàng triệu cây giống, tạo việc làm cho hàng vạn lao động, góp phần đột phá giống cho các đồi chè nâng cao năng suất, giúp tiếp cận tốt hơn với thị trường.

Hai giải Ba thuộc về 2 giải pháp: "Thiết kế và thi công lò gas phục vụ sản xuất ống sứ chịu nhiệt làm giảm chi phí nhiên liệu và giảm tỷ lệ phế phẩm" của 2 đồng tác giả Đặng Huỳnh Đức, Phan Quang Huy, Xí nghiệp Hiệp An, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng và giải pháp "Tự lắp ráp hệ thống truyền hình lưu động" của tác giả Phạm Thanh Hùng (đại diện nhóm tác giả), Đài Phát thanh truyền hình Lâm Đồng.

Sáu giải khuyến khích cũng đã được Hội đồng giám khảo quyết định trao cho các giải pháp đảm bảo được các tiêu chí của Hội thi đề ra nhằm khuyến khích, động viên các nhân cung cấp góp phần thúc đẩy phong trào chung.

(Xem tiếp trang 12)

ABC ĐÀ LẠT (bổ sung)

NGUYỄN HỮU TRANH

KIM ĐỒNG

* Tên một con đường dài 1.070m, lộ giới: 10m, từ đường Ngô Quyền (hẻm 33) đến suối Cam Ly ở phường 6. Tên đường được đặt từ năm 2002.

* Kim Đồng là bì danh của Nông Văn Dền (1929-1943), một thiếu niên người dân tộc Tay. Anh là một trong năm đọi viên đầu tiên của tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được thành lập ngày 15-5-1941.

Anh làm giao liên đưa đón cán bộ cách mạng, chuyên thư từ. Một lần khi lính Pháp bị mật bao vây làng nơi có căn hộ Việt Minh đang ẩn náu, Kim Đồng đã quyết định chạy ra ngoài để đánh lạc hướng quân lính. Anh bị phát hiện và trúng đạn. Anh mất ngày 15-2-1943.

Tên anh được đặt cho nhiều trường học, đường phố tại Việt Nam.

KIM THẠCH

* Tên một con đường dài 760m, lộ giới: 20m, từ đường Ankroet đến đường Trần Văn Côi ở phường 7.

* **Đặc điểm:** Trước năm 1975, đường chạy ngang qua ấp Kim Thạch. Cư dân chủ yếu ở đường này là người làng Thạch Bích (huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây) di cư đến Đà Lạt sau năm 1954.

* *Kim: vàng; thạch: đá.*

LANG BIANG

Khu du lịch Lang Biang cách thành phố Đà Lạt 12km về hướng bắc, trong địa phận thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Năm 1993, Công ty Du lịch Thanh niên Xung phong Thành phố Hồ Chí Minh (VYC) đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cho phép quản lý, đầu tư và bước đầu đưa vào khai thác du lịch. Đến cuối năm 1999, Công ty VYC giao lại cho Công ty Du lịch Lâm Đồng quản lý.

Khu du lịch Lang Biang được chia ra làm 5 khu vực:

1. Khu vực đón tiếp là nơi đón tiếp và hướng dẫn du khách, cho thuê xe chuyên dùng leo núi dẫn đến đồi Radar.

2. Đồi Radar nằm trên độ cao 1.950m. Trong thời chiến tranh, quân đội Mỹ đã đặt tại đây một trạm radar phục vụ cho nhu cầu liên lạc viễn thông và đã dời đi khi chiến tranh sắp kết thúc. Từ đây du khách có thể ngắm được toàn cảnh thành phố Đà Lạt, hồ Dăng Kia - Suối Vàng, thị trấn Lạc Dương và nhìn bằng kính viễn vọng.

3. Thung lũng Tràm nǎm là một khu du lịch nghỉ dưỡng với các dãy nhà sàn, sân tennis, nhà hàng đặc sản rượu cần, thịt nướng, dịch vụ karaoke, sân lửa trại, biểu diễn cồng chiêng, khu cắm trại,... Vào năm 1993, nơi đây đã được chọn để tổ chức lễ hội mừng kỷ niệm 100 năm thành phố Đà Lạt hình thành và phát triển.

4. Bãi Mimosa nằm cách khu vực đón tiếp khoảng 1,5km. Khung cảnh nơi đây còn rất hoang sơ với chiếc cầu treo, nhà hàng thiết kế theo kiểu dáng nhà sàn của đồng bào dân tộc bản địa.



5. Đinh Lang Biang là đỉnh cao nhất của dãy Lang Biang. Du khách sẽ có cảm giác thật tự hào khi chinh phục được đỉnh núi này.

LÂM VĂN THẠNH

* Tên một con đường dài 1.930m, lộ giới: 16m, nối với Quốc lộ 20 ở trong địa phận phường XI.

Trước năm 1975, đường có trường Cảnh sát Dã chiến nên được gọi là đường Cảnh sát Dã chiến. Từ năm 2002, đường mang tên Lâm Văn Thạnh.

* **Đặc điểm:** Dọc đường có Xí nghiệp Chế biến bao bì.

* Lâm Văn Thạnh sinh ngày 10-3-1957 tại xã Nhơn Phước, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tháng 11-1975, ông công tác ở đơn vị PK.50 chuyên theo dõi các đối tượng phản cách mạng và các đối tượng tội phạm khác trong các chuyên án trinh sát của Công an tỉnh Lâm Đồng.

Tháng 8-1980, ông tham gia chuyên án “F 101”, đóng vai “phái viên liên lạc đặc biệt của Caritas”, chui vào Bộ Chỉ huy Trung ương FULRO (Front Uni de la Libération des Races Opprimées : Mặt trận thống nhất giải phóng các dân tộc bị áp bức), tổ chức cho các sĩ quan đi ra nước ngoài nhận viện trợ quốc tế rồi bí mật bắt giữ.

Thực hiện kế hoạch “câu nhử”, ông đã lọt sâu vào tận sào huyệt của FULRO 11 lần, đưa đón 6 chuyến và cùng đồng đội bắt sống 68 tên, có 14 tên là sĩ quan cao cấp của Trung ương FULRO (Phó Thủ tướng kiêm Đệ nhất Phó Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Đê-ga tự trị, 2 tổng trưởng, 1 tổng cục trưởng quân huấn, 2 uỷ viên quốc phòng,...)

Ngày 23-12-1980, ông và đồng đội bị mai phục tại một địa điểm trên đèo Prenn. Ông đã cầm cự với bon địch để đồng đội chạy thoát và anh dũng hy sinh.

Hội đồng Nhà nước đã truy tặng ông huân chương Chiến công hạng II và danh hiệu Anh

hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

LÊ THỊ RIÊNG

* Tên một con đường dài 890m, lộ giới: 10m, nối với đường Xô-viết Nghệ Tĩnh ở phường 7. Tên đường được đặt từ năm 2002.

* **Đặc điểm:** Dọc đường có Công ty cổ phần chăn nuôi gà Đà Lạt.

* Lê Thị Riêng sinh năm 1925 tại làng Vĩnh Mỹ, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Mồ côi từ lúc chưa đầy 10 tuổi, bà được gia đình người chú họ mang về nuôi.

Năm 1945, bà gia nhập Phụ nữ Cứu quốc tỉnh Bạc Liêu.

Năm 1947, bà tham gia Ban Chấp hành Phụ nữ Cứu quốc tỉnh Rạch Giá.

Năm 1949, bà tham gia Ban Chấp hành Phụ nữ Cứu quốc Nam Bộ, giữ chức Phó Hội trưởng Phụ nữ miền Đông.

Năm 1961, bà được bầu làm Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng miền Nam Việt Nam, đại biểu của phụ nữ trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Tháng 5-1967, bà bị giặc bắt trong một chuyến công tác nội thành. Lúc ấy bà là Khu ủy viên Đặc khu Sài Gòn - Gia Định, Trưởng ban Phụ vận Sài Gòn. Trong tù bà luôn giữ vững niềm tin, khí tiết cách mạng, nêu cao tấm gương kiên trung bất khuất.

Đêm mùng 2 Tết Mậu Thân (1968), giặc đã lén lút giết bà tại đường An Dương Vương (đoạn bờ biển Châu Văn Liêm, Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). ■

TƯ LIỆU THAM KHẢO

Chuyện kể về những người anh hùng. Sở Lao động – Thương binh & Xã hội tỉnh Lâm Đồng, Đà Lạt, 2000.

Kim Đồng. Wikipedia.

Thông tin Du lịch Lâm Đồng - Đà Lạt. Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng, 2007.

Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ. Những con đường mang tên phụ nữ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nxb Phụ nữ, Hà Nội, 2001.

NHỮNG MẪU CHUYỆN VỀ NĂM TÝ

DS. NGUYỄN THỌ BIÊN

CHUỘT TRÊN THẾ GIỚI

Chuột có nhiều loài, chúng có mặt ở khắp mọi nơi trên thế giới.

Chuột chù đuôi dày (*Suncus etruscus*) là loài chuột nhỏ nhất, chỉ dài 4 cm (không kể đuôi), cân nặng khoảng 1,5 g. Còn loại chuột chù còi (*Crocidura suaveolens*) do được gần 7 cm cộng với đuôi 3 cm, chúng sống trong đồng cỏ bìa rừng Đông Nam và Nam châu Âu. Loài gặm nhấm lớn nhất hiện nay là Chuột lợn nước (*Hydrochoerus capybara*) dài 1m và nặng 50 kg sống trong các con sông ở Brazil và Paragoay. Chúng sống thành đàn nhỏ ở vùng đầm lầy nơi mọc đầy lau sậy. Chuột chũi (*Talpa europaea*) là loại chuột yếu ăn sâu bọ, dài khoảng 15 cm kể cả 3 cm đuôi, thường gặp ở châu Âu đến phía nam thuộc dãy núi Altai và Mông Cổ. Loài Chuột chũi không lông (*Heterocephalus glaber*) ở châu Phi có đời sống xã hội giống như loài côn trùng, sống thành đàn trong hang nằm sâu dưới mặt đất. Đầu đàn của chúng là một chuột chũi chúa có khả năng sinh sản. Mỗi năm chuột chũi chúa có thể cho ra đời 100 con và cứ duy trì như vậy cho đến năm nó được ít nhất 20 tuổi. Chuột chũi không lông có thể sống đến 26 năm hoặc lâu hơn nữa. Chuột thỏ Patagonia (*Dolichotis patagonia*) chiều dài thân gần tới 50 cm, bộ lông dày giống như thỏ, thức ăn chủ yếu là cỏ. Chuột thỏ aguti (*Dasyprocta aguti*) dài khoảng 40 cm, sống ở rừng nguyên sinh vùng sông Amazon rất thích ăn quả mọng và quả vỏ cứng. Chuột sóc (*Glis glis*) có đuôi dài rậm rạp giống đuôi con sóc sống trong công viên cỏ, vườn cây ăn quả trong rừng ở Trung và Nam Âu. Chuột sóc ăn quả mọng, chồi cây và hạt dẻ. Chuột đen (*Rattus rattus*) và chuột cống (*Rattus norvegicus*) gần giống nhau. Tuy vậy chuột đen dài khoảng 16-20 cm có tai to

và đuôi dài hơn thân, Chuột cống ón hơn dài khoảng 24 cm, có tai ngắn, đuôi ngắn hơn thân. Chúng thường sống nơi tối tăm, công rãnh là nguyên nhân gây bệnh dịch, có nhiều ở vùng nhiệt đới. Chuột Cobaye (*Cavia cutleri*) ở Nam Mỹ hay chuột lang (*Cavia porcellus*) được nuôi trong nhà có màu và nhiều kiểu lông khác nhau. Chúng ăn thực vật, dùng làm vật thí nghiệm.

Ở nước ta thường gặp các loại: Chuột chũi, chuột cống, chuột đồng, chuột nhà, chuột nhắt, chuột lang, chuột bạch, chuột chù... Trừ chuột lang, chuột bạch thường được nuôi làm vật thí nghiệm hoặc nuôi làm cảnh còn các loài chuột khác đều phá hoại hoa màu, đồ vật và có thể gây ra những đại dịch khủng khiếp.

CHUỘT DÙNG LÀM THUỐC

Để dùng làm thuốc người ta dùng chuột nhà (*Rattus favipectus*) hoặc chuột đồng (*Rattus argentiventer*) chúng đều thuộc họ chuột (Muridae). Ngày nay chuột đồng được dùng nhiều hơn cả vì chuột đồng sống ở hang hốc đồng ruộng, đồi, rừng núi nơi môi trường thiên nhiên trong lành, chuyên ăn cỏ non, lúa, ngô, hoa quả, vỏ, rễ cây ...

Thịt chuột đồng không có mùi hôi, gần giống thịt thỏ, mềm, nhiều mỡ. Người ta thường bắt chuột đồng để làm thức ăn hoặc làm thuốc vào dịp đông xuân hoặc mùa lúa chín.

Chuột được dùng làm thuốc từ lâu đời. Trong đông y chuột được gọi là thủ hoặc lão thủ. Trong sách “Nam dược thần hiệu” của Tuệ Tĩnh và sách “Lĩnh nam bản thảo” của Hải Thượng Lãn Ông đều viết: Chuột đực có vị ngọt, chất, hơi ấm không độc dùng chữa xương bị gãy, ngã què, bong lừa, đâm chém bị thương, trẻ con bị kinh giản. Trong nhân dân người ta dùng thịt chuột làm thức ăn bồi dưỡng

cơ thể và đê chữa bệnh hen suyễn, tê bại, đau lưng, mỏi gối, làm mạnh thận khí, tăng cường sinh dục nhất là những người hiếm con.

Chuột đồng có 2 loại: Chuột đồng loại nhỏ (chuột con) nhỏ con, lông hơi vàng. Chuột đồng lớn (Chuột cống nhum) lông hơi đen, trọng lượng gấp 3-4 lần chuột đồng loại nhỏ. Dùng làm thuốc hoặc làm thức ăn: người ta chọn những con chuột đồng tơ, lông mịn, mập đem thuỷ trên ngọn lửa cho cháy sém lông hoặc trung nước sôi rồi lột da, mổ bụng, cắt bỏ đầu, móng chân, bóc hết bộ lồng và rửa thật sạch, có nơi người ta giữ lại lá gan và ngâm chuột vào nước phèn cho thịt trắng. Nếu bắt được chuột đồng lớn (cống nhum) có thể chỉ cần cạo lông như làm heo, không phải lột da.

* Một số bài thuốc theo kinh nghiệm nhân dân

1. Làm tóc đen, tăng cường sinh lực

Thịt chuột chặt nhỏ, vừa ăn, nấu với Hà thủ ô, Câu kỷ tử: ăn thường xuyên.

2. Rượu chuột bổ dưỡng

Bắt những con chuột còn đỏ hỏn, chưa có lông, chưa mờ mắt dùng rượu rửa sạch, mổ bụng bỏ ruột rồi ngâm với rượu trắng cao độ, ngâm từ 100 ngày trở lên. Dùng riêng thứ rượu này hoặc trộn lẫn với rượu bổ đông y khác để uống.

3. Chữa bệnh suyễn

Chuột đồng đã làm thịt bò vào nồi dậy kín, đốt lửa xung quanh nồi, thiêu tồn tính (cháy đèn cả con) dùng tro đê uống. Có nơi người ta thịt chuột làm thức ăn để chữa hen suyễn.

4. Chữa bóng

Chuột đồng tơ đã làm thịt bò vào nồi thiêu tồn tính như trên, lấy tro trộn với Vaseline bôi lên vết bóng.

* Một số bài thuốc của các Vua Trung Hoa đã dùng được truyền trong dân gian

1. Bài thuốc "chuột sâm" của Vua Càn Long

Phương thuốc này có từ thời Tần do các nhà sư Tây Tạng truyền lại gọi là "Sâm Thủ" tức "Chuột Sâm" được chế biến cho Vua Càn Long dùng:

Người ta đem những con chuột bạch mới đẻ nuôi cho ăn bằng củ nhân sâm. Khi chúng đã trưởng thành cho giao phối với nhau. Chọn các con cái mang thai đem ngâm với rượu đặc biệt "Cúc hoa băng lâu tửu". Ngâm chuột trong 365 ngày (một năm), đem xác con chuột đã ngâm đưa ra tán nhuyễn làm thành viên, sấy khô để dành dùng dần. Thuốc có tác dụng bổ dưỡng, làm tăng khả năng sinh dục.

Bị chú: Cúc hoa băng lâu tửu là loại rượu thuốc, nguồn gốc từ Triều Tiên. Người ta dùng 1000 bông cúc tuyet, khi bắt đầu ra hoa hái ngay cho vào lọ bạch ngọc, đầy kín nút và vùi sâu dưới tuyet trong 2000 ngày. Rượu này có tác dụng bổ dưỡng, tăng sinh lực.

2. Chuột bao tử của Từ Hy Thái Hậu

Chuột con mới đẻ đem nuôi riêng cho ăn nhân sâm và uống nước suối trong. Nuôi cho chúng sinh con, sau đó lại lấy con mới đẻ nuôi bằng nhân sâm như trên cho đến đời chuột thứ ba mới dùng. Khi dùng người ta chọn những con chuột chưa mờ mắt còn đỏ hỏn, chưa mọc lông gọi là "chuột bao tử" đem ăn sống như ăn gói. Chuột bao tử có tác dụng: tráng dương bổ thận, cải lão hoàn đồng.

Tục truyền Từ Hy Thái Hậu thường dùng món ăn đặc biệt này và có lần đãi khách đại sứ Tây Ban Nha.

CÁC MÓN ĂN LÀM TỪ CHUỘT

Ở nước ta từ Bắc đến Nam nhiều nơi bắt chuột đồng làm thịt chế biến thành các món ăn đặc sản. Thịt chuột ăn ngon, nhiều chất đạm, có tác dụng bổ dưỡng và chữa bệnh hen suyễn, đau mình mẩy, tăng cường sinh dục. Tạm kê có các món ăn như sau: Chuột luộc cơm mẻ, chuột luộc gói lá chuối, chuột luộc gói lá lốt, chuột cuốn, chuột hấp cơm, chuột nướng tươi, chuột nướng chao, chuột nướng vỏ quýt, chuột nướng lá lốt, chuột nướng lá cách, chuột um, chuột đồng quay lu, chuột úp tráp, chuột kho dừa, chuột khìa nước dừa, chuột röty, chuột xào kiệu, chuột xào sả ớt, chuột ướp ngũ vị hương xào lăn, chuột nấu chua cơm mẻ, chuột lúc lắc, chuột chiên dòn, chuột xé phay, chuột băm nhuyễn xào khô, mắm chuột, khô chuột... ■

BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG Ở TRÂU, BÒ VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG

BSTY. HOÀNG HUY LIỆU

Chi cục Thú Y Lâm Đồng

Sau trên 5 năm không có dịch thì năm 2006-2007 dịch lại xuất hiện trở lại. Năm 2006 dịch xảy ra ở thế quá cấp tính tại 2 huyện là Lạc Dương và Bảo Lâm làm chết đột ngột 95 con trâu của các hộ chăn nuôi người đồng bào dân tộc (Lạc Dương 88 con, Bảo Lâm 07 con).

Năm 2007 dịch THT lại tái phát tại hai địa phương này (Lạc Dương xảy ra trong tháng 7-8/2007 làm chết 49 con trâu, Bảo Lâm xảy ra trong tháng 9/2007 làm chết 05 con trâu và 12 con heo).

Tất cả các ổ dịch trên đều được Chi cục Thú y chẩn đoán và có kết quả xét nghiệm xác nhận. Tuy nhiên, các ổ dịch đều đã được bao vây, dập tắt và không lây lan rộng.

Thực ra, bệnh tụ huyết trùng (THT) trâu, bò đã có ở tinh ta từ nhiều năm nay; thường xảy ra vào đầu mùa mưa hoặc ở những vùng sau khi bị lũ lụt. Vào những năm 1991-1996 dịch THT liên tục xảy ra ở hầu hết các huyện, thị trong tỉnh gây thiệt hại nặng nề về kinh tế.

* Nguyên nhân chính của việc xuất hiện trở lại và tái phát bệnh:

- Tư tưởng chủ quan của người chăn nuôi và cơ quan chuyên môn trong chỉ đạo và thực hiện phòng dịch.

(Xem tiếp trang 30)

Số liệu dịch bệnh THT trâu bò năm 1991-1997

Năm	Số huyện có dịch	Số trâu, bò chết	ghi chú
1990	4/10	85	
1991	10/10	1.305	Nặng nhất
1992	6/10	105	
1993	5/10	250	
1994	6/11	437	
1995	7/12	132	
1996	6/12	223	
1997	1/12	04	

ĐẶC ĐIỂM, TRIỆU CHỨNG VÀ CÁCH PHÒNG BỆNH

a. Đặc điểm: Bệnh tụ huyết trùng (*Pasteurellosis bovinum*) ở trâu, bò do vi khuẩn *Pasterella multocida* gây ra. Đặc trưng của bệnh là tụ và xuất huyết ở các vùng đặc biệt trên cơ thể. Vi khuẩn vào máu gây nhiễm trùng máu, thể nặng gọi là bại xuất huyết trâu, bò. Nguồn bệnh chính là các thú mang trùng. Vi khuẩn ký sinh ở niêm mạc mũi, họng và tuyến hạnh nhân.

Trâu, bò ở mọi lứa tuổi đều có thể bị mắc bệnh. Tuổi hay bị bệnh là từ 6 tháng đến 2, 3 năm. Bệnh có thể lây từ trâu, bò sang heo và ngựa. Bệnh lây chủ yếu do thức ăn bị nhiễm mầm bệnh hoặc qua đường hô hấp, da bị sẩy sát. Những nơi mổ thịt gia súc bệnh, bán thịt, da, móng,... thường là nguồn lây bệnh nguy hiểm.

b. Triệu chứng

Thể quá cấp tính: trâu, bò sốt cao, run rẩy, hung dữ (đập đầu vào chuồng); chết nhanh trong 24 giờ

Thể cấp tính: thời gian nung bệnh từ 1-3 ngày. Trâu, bò không nhai lại, mệt nhọc, sốt cao, niêm mạc mắt, mồm, mũi, tổ chức dưới da có tụ huyết đỏ sẫm. Diễn biến bệnh từ 3-5 ngày. Lúc gần chết, thú bệnh nằm liệt, đái ra máu, thở khó, phân lặc máu. Tỷ lệ chết cao từ 90-100%.

Thể mãn tính: Nếu gia súc bệnh không chết sẽ chuyển sang mãn tính với các biểu hiện: viêm ruột, viêm khớp, viêm phế quản. Trong vài tuần, gia súc có thể khỏi bệnh nhưng thường gầy rạc.

c. Điều trị: Bệnh diễn biến nhanh nên chỉ có thể điều trị hiệu quả cao khi sử dụng kháng sinh sớm, đủ liều, đủ liệu trình và kết hợp với thuốc hạ sốt, trợ sức. Đồng thời phải tăng cường quản lý chăm sóc và bồi dưỡng tốt cho gia súc bị bệnh.

d. Phòng bệnh

- Thực hiện tốt biện pháp vệ sinh ăn uống, vệ sinh chuồng trại, không để gia súc ở nơi lầy lội, ướt.

- Tiêm vaccine phòng bệnh 6 tháng/lần.

- Các ổ dịch phải cách ly gia súc ốm, công bố có dịch; không vận chuyển, mổ thịt gia súc bị bệnh; chôn sâu gia súc chết có rắc vôi bột; sát trùng chuồng trại, cổng rãnh.

HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀO VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỀU SỐ Ở LÂM ĐỒNG

TRƯƠNG NGỌC LÝ

TUV. Giám đốc Sở Lao động – TB & XH Lâm Đồng

"Đánh giá hiệu quả các chính sách đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng" là nghiên cứu có ý nghĩa làm cơ sở để tiếp tục thực hiện các định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước nâng cao đời sống kinh tế - xã hội ở vùng sâu, vùng xa, góp phần thực hiện mục tiêu giảm thiểu sự cách biệt giữa các địa phương trong tỉnh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng. Đề tài này đã được Sở Lao động – TB & XH nghiên cứu qua hơn hai năm và vừa được Hội đồng KHCN tỉnh nghiệm thu với kết quả khá.

Trong những năm qua, tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện lồng ghép nhiều chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án và các chính sách hỗ trợ và đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bước đầu, đời sống của vùng đồng bào dân tộc đã có bước chuyển biến đáng kể: nhiều hộ đồng bào dân tộc đã vượt nghèo và ngày càng có cuộc sống ổn định hơn; Cơ sở hạ tầng được cải thiện, giao thông đi lại thuận lợi, dân trí từng bước được nâng cao, tình hình kinh tế phát triển, tập quán canh tác lạc hậu từng bước được xóa bỏ, hạn chế nạn phá rừng làm nương rẫy và đang chuyên dân từ sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa... Một số địa phương đã hình thành những vùng sản xuất nông nghiệp thâm canh có giá trị kinh tế cho năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt.

Để đánh giá việc thực hiện các chính sách đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đề tài đã khảo sát tình hình đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh trong 10 năm qua, với vốn đầu tư bình quân hàng năm khoảng 100 tỷ đồng, kè cả các chương trình lồng ghép, chương trình 135, tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, nhà ở, hỗ trợ sản xuất, dịch vụ pháp lý... Đề tài đã tập trung đánh giá kết

quả và hiệu quả các chính sách đầu tư tại các xã dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, chú ý đến các huyện có nhiều xã nghèo dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn như Đức Trọng, Lạc Dương, Bảo Lâm, Đam Rông, Di Linh. Đề tài cũng đã chỉ ra các kết quả đã đạt được là đáng kể, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn có khoảng cách khá lớn về đời sống vật chất và tinh thần so với các vùng khác trong tỉnh.

Đề tài đề xuất được các giải pháp cơ bản để xây dựng mô hình giảm nghèo theo hướng bền vững, ổn định đời sống của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nâng cao hiệu quả các chính sách đầu tư vào vùng này trong thời gian tới. Trong đó, đáng chú ý là giải pháp: tạo điều kiện để hỗ trợ sản xuất; ứng dụng kỹ thuật sử dụng giống mới, thuốc trừ sâu, quy trình canh tác thâm canh tăng vụ nhằm giải quyết các vấn đề lương thực; gắn sản xuất nông lâm với công nghệ chế biến, khoanh nuôi bảo vệ rừng, giao khoán rừng; phát triển ngành nghề truyền thống; nâng cao năng lực trình độ cán bộ; hỗ trợ dịch vụ về giáo dục và chăm sóc sức khỏe...

Đề tài đã đề xuất nhiều kiến nghị cần thiết cho việc thực hiện:

Chuyển mục tiêu đầu tư cơ sở hạ tầng từng bước sang đầu tư trực tiếp cho sản xuất và phục vụ sản xuất. Gắn sản xuất nông, lâm nghiệp với công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Tăng cường kêu gọi doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục bố trí vốn đầu tư, bảo đảm cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện vươn lên phát triển bền vững. Tăng tỉ lệ nguồn vốn vay dài hạn hoặc trung hạn đầu tư cho sản xuất. Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ có hệ thống

đối với những hộ đồng bào dân tộc được vay tín dụng dưới hình thức khuyến nông, tiếp thị, các dịch vụ thú y hoặc quản lý tài chính, chủ trọng những đối tượng chưa được thụ hưởng dịch vụ này.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng công trình và việc thực hiện các chính sách đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng và công tác duy tu bảo dưỡng, xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, nhất là tại các khu vực tái định cư. Có cơ chế để các dự án đầu tư có thể huy động sự đóng góp, tạo việc làm cho đồng bào trong quá trình triển khai và sử dụng kết quả sau này.

Tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ dân tộc thiểu số theo hướng phải xác định rõ mục tiêu, nội dung, thời gian, cơ cấu và vốn đào tạo cán bộ thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khảo sát, đánh giá tình hình lao động, việc làm, nghề nghiệp của lao động dân tộc thiểu số để xây dựng các chính sách, giải pháp phù hợp trong việc phát triển chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm phù hợp với tập quán, điều kiện kinh tế - xã hội của từng dân tộc.

Tiếp tục có các đề tài điều tra, nghiên cứu về xã hội học đối với vùng bào dân tộc thiểu số để đề ra những biện pháp phù hợp trong việc nâng cao đời sống kinh tế - xã hội cho đồng bào. Đối với cộng đồng dân tộc thiểu số gốc bản địa, phải động viên giúp đỡ họ xóa bỏ tư tưởng mặc cảm, tự ti, tư tưởng trông chờ vào sự giúp đỡ của Nhà nước; nâng cao dân trí, thay đổi lề lối, tập quán làm ăn manh mún, lạc hậu; tổ chức cho đồng bào triền khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển miền núi của Đảng và Nhà nước. Khuyến khích và tạo cơ hội cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là lớp trẻ tiếp thu, bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ của mình trong sinh hoạt, giao tiếp hàng ngày; khuyên khích người Kinh và các dân tộc khác học tiếng của dân tộc người bản địa.

Tăng cường phân cấp công tác quản lý, thực hiện có hiệu quả hơn việc hỗ trợ đối với đối tượng chính sách xã hội, đặc biệt là đối với người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào nhà tình thương cho đồng bào dân tộc thiểu số... ■

BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG...

(Tiếp theo trang 28)

- Công tác tiêm phòng vaccine THT trên trâu, bò thực hiện không tốt: Một số địa phương không tiến hành tiêm phòng định kỳ hoặc tiêm phòng đạt tỷ lệ quá thấp dẫn đến không có bảo hộ quần thể. Đặc biệt ở những vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc đi lại khó khăn vốn là các ổ dịch cũ trước đây tỷ lệ càng thấp.

- Tập quán và phương thức chăn nuôi của đồng bào dân tộc là thả rông theo từng bầy trong rừng sâu, không chuồng trại, không dây mõi nên khó tiếp cận để tiêm phòng, thường không phát hiện được gia súc mắc bệnh để điều trị kịp thời, triệt để (chỉ phát hiện và khai báo khi trâu đã chết).

- Tình hình thời tiết, khí hậu diễn biến phức tạp và không loại trừ nguyên nhân do tính chất dịch tễ của bệnh là phát sinh theo qui luật, sau một số năm xuất hiện trở lại.

Để phòng, chống bệnh THT trên đàn trâu, bò đạt hiệu quả, cần phối hợp thực hiện tốt một số biện pháp sau đây:

- 1) Tiếp tục tuyên truyền về tính chất nguy hiểm của bệnh để các cấp, các ngành, các địa phương và mọi người không lơ là, chủ quan. Vận động người chăn nuôi cải tiến tập quán chăn nuôi và phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn trong thực hiện các biện pháp phòng chống dịch.

- 2) Chủ động giám sát, phát hiện bệnh sớm để cách ly và điều trị bệnh theo hướng dẫn.

- 3) Chỉ đạo và thực hiện tốt công tác tiêm phòng vaccine Tụ huyết trùng cho trâu, bò và heo.

- 4) Toàn bộ trâu, bò chết vì bệnh cần được tiêu huỷ triệt để bằng phương pháp đốt hố, đốt rồi chôn kỹ. Không mổ thịt và tiêu thụ thịt, sản phẩm của trâu bò chết, mắc bệnh.

- Tăng cường công tác kiểm dịch động vật không bán chạy, để thương lái mua bán, vận chuyển gia súc trái phép khi có dịch xảy ra.

- 5) Thực hiện thường xuyên công tác khử trùng, tiêu độc, vệ sinh môi trường và an toàn sinh học trong chăn nuôi. ■

DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ CÁC DỰ ÁN HỖ TRỢ CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2008

(Theo quyết định số 3412/UBND ngày 18/12/2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Lĩnh vực điều tra cơ bản và môi trường

1. Nghiên cứu tai biến địa chất những vùng có nguy cơ nứt đất, trượt lở đất, lũ quét và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
2. Nghiên cứu thực trạng ô nhiễm môi trường đất nông nghiệp vùng chuyên canh rau, hoa tinh Lâm Đồng (Đà Lạt, Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng) và đề xuất các giải pháp xử lý, khắc phục.
3. Xây dựng bản đồ quản lý nước ngầm tỷ lệ 1/25.000 vùng kinh tế trọng điểm huyện Lạc Dương và tổng hợp bổ sung xây dựng bản đồ nước ngầm toàn tỉnh Lâm Đồng.

Lĩnh vực nông nghiệp - sinh học - y tế

1. Nghiên cứu xây dựng bản đồ dịch tễ về bệnh lở mồm long móng trên đàn gia súc tỉnh Lâm Đồng. Đề xuất nội dung, giải pháp phòng, chống đảm bảo an toàn cho đàn gia súc.
2. Điều tra, đánh giá nguồn tài nguyên được liệu tỉnh Lâm Đồng và định hướng phát triển một số loài đặc hữu và có giá trị kinh tế cao.
3. Nghiên cứu chọn tạo và phát triển một số giống hoa cắt cành mới có giá trị kinh tế và có tiềm năng xuất khẩu phù hợp với vùng Đà Lạt, Lâm Đồng (Cúc, Cẩm chướng, Layon, Đồng tiền).
4. Nghiên cứu xây dựng mô hình mẫu về phát triển nông thôn mới dựa vào cộng đồng tại một xã vùng đồng bào dân tộc bản địa tỉnh Lâm Đồng.

5. Nghiên cứu phân lập, tuyển chọn và sử dụng một số chủng vi sinh vật có khả năng phân huỷ tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong đất trồng tại các vùng chuyên canh rau ở Lâm Đồng.

6. Nghiên cứu đánh giá hiện trạng sử dụng một số dạng lâm sản ngoài gỗ tỉnh Lâm Đồng; đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý và phát triển bền vững.

7. Thực nghiệm các giải pháp phòng chống cháy rừng trên địa bàn Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà tỉnh Lâm Đồng.

Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng

1. Nghiên cứu quy trình công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến một số loại rau phổ biến, từ đó thiết kế - chế tạo và triển khai ứng dụng một hệ thống xử lý và đóng gói sau thu hoạch cho một số loại rau tại Lâm Đồng.

Lĩnh vực khoa học quản lý

1. Nâng cao chất lượng hợp tác kinh tế giữa tỉnh Lâm Đồng với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận giai đoạn 2007-2010 và tầm nhìn đến 2020.

2. Đánh giá hiệu quả các cơ chế chính sách đối với công tác giao đất, cho thuê đất và giao khoán quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

3. Nghiên cứu khảo sát, đánh giá hiện trạng cơ giới hóa, điện khí hóa trong nông nghiệp nông thôn tỉnh Lâm Đồng; đề xuất nội dung và giải pháp phát triển nhằm phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020.

Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

1. Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp xây dựng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Đánh giá hoạt động cải cách hành chính hiện nay, giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính trong 5 năm tới.

3. Định hướng đào tạo nguồn nhân lực trẻ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh Lâm Đồng.

Lĩnh vực sản xuất thử nghiệm, nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học

1. Triển khai nhân rộng kết quả các đề tài khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu.

Lĩnh vực nông thôn miền núi

1. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển cây cao trồng xen trong vườn điêu tại 3 huyện Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng.

2. Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất hoa thương phẩm trong vùng đồng bào dân tộc huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng.

3. Xây dựng các mô hình TBKT nhằm phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm tại một số xã huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Lĩnh vực hỗ trợ cơ quan, doanh nghiệp ứng dụng KHCN

1. Nghiên cứu sản xuất bentonit dạng viên (mikolit) dùng để bít kín lỗ khoan.

2. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất các sản phẩm tân dược: viên bao phim Cipro

Floxacin 500mg, viên Ofoxacin 200mg, viên nén dexta 5mg, viên bao phim Calci D, viên bao phim B1B6B12, viên bao phim Magiê B6, viên nén Paracetamol 500mg, viên bao đường rutin C, viên Andoxan.

3. Khảo sát, đánh giá, đề xuất các giải pháp và xây dựng mô hình tiết kiệm năng lượng cho một số trường học, bệnh viện, nhà máy và trang trại trồng hoa của tỉnh Lâm Đồng.

4. Hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.

5. Xây dựng mô hình thông tin KHCN phục vụ nông thôn.

6. Hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

7. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Techmart Việt Nam.

8. Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin.

9. Hoàn thiện quy trình nhân giống in vitro cây Salem phục vụ sản xuất.

10. Thủ nghiệm quy trình xác định NO_2^- ; NO_3^- trong rau ăn lá bằng cực phổ.

11. Xây dựng website Hội Nông dân tỉnh Lâm Đồng. ■

HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Trong thời gian qua, Tập san Thông tin Khoa học Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được tin, bài viết của các tác giả: Hà Huyền, Lê Đức Thọ, Trương Triết, Dương Khải Định, Hoàng Huy Liệu, Nguyễn Minh Tâm, Phương Nguyên, Nguyễn Mộng Sinh, Phạm Bá Phong, Nguyễn Thọ Biền, Trương Ngọc Lý, Phan Quốc Hùng, Nguyễn Hữu Nam, Ngô Mạnh Phụng, Hoàng Cầm Tú, Phan Bồn, Dương Thị Ngọc, Nguyễn Thị Hoà, Đào Xuân Vinh, Nguyễn Tùng Châu, Dương Phúc Điều, Nguyễn Xuyên, Đặng Hữu Huy,...

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Tin, bài các bạn gửi đến chúng tôi sẽ xem xét và sắp xếp đăng trong thời gian thích hợp. Hy vọng rằng sự cộng tác này ngày càng bền chặt hơn.

Trong các số tiếp theo của năm 2008, Tập san sẽ tập trung vào các chủ đề: Vấn đề phát triển bền vững; Vấn đề tiêu chuẩn đo lường chất lượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong giai đoạn hội nhập. Rất mong sẽ tiếp tục nhận được nhiều tin, bài của các bạn.

Thu từ, bài vở xin liên hệ:

Phòng Thông tin - Sở hữu trí tuệ

Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng

35 Trần Hưng Đạo Đà Lạt

Điện thoại: 063 833163 Fax: 063 824941

Email: thanhmai@dalat.gov.vn

MỘT SỐ HÌNH ẢNH

HỘI NGHỊ CÁN BỘ CÔNG CHỨC - VIÊN CHỨC

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG NĂM 2008



Hội nghị Cán bộ Công chức
Khối Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng



Hội nghị Cán bộ Công chức
Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng



Hội nghị Cán bộ Viên chức
Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ và Tin học Lâm Đồng

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ TIN HỌC TỈNH LÂM ĐỒNG

Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ và Tin học tỉnh Lâm Đồng là đơn vị sự nghiệp khoa học có thu, trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng. Trung tâm được thành lập theo

Quyết định số 69/2004/QĐ-UB ngày 22/04/2004 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt - ĐT : 063. 833156 - 833157 - 833158 - 833159 - 832474 - Fax: 063. 833155 - Email: casti@dalat.gov.vn



Lĩnh vực hoạt động:

1. Ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống.
2. Tổ chức thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm; chuyển giao và nhân rộng các kết quả của các đề tài, dự án.
3. Ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất các giống rau, hoa, cây ăn quả, lưu giữ các nguồn gen quý hiếm.
4. Thực hiện hoạt động phân tích, kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước và hỗ trợ phát triển sản xuất.
5. Xây dựng phát triển mạng thông tin khoa học và công nghệ và hệ thống thông tin địa lý tại địa phương (GIS).
6. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực KH&CN địa phương; Tư vấn, phản biện về KH&CN.
7. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và dịch vụ khoa học công nghệ.